NĂM THỨ TƯ — Số 130 Thứ năm 17 Février 1944

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Phải có cái gì để làm đặc tính của người mình chứ? — *Hoa-Bằng*
* Nam-đàn bát-châu thi thảo (XX) — *Tùng-Vân Đạo-Nhân*
* Đại-Nam dật-sự (XX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Nhân đọc Thi-sĩ Trung Nam (của ông Vũ Ngọc-Phan) — *Nề-Uy viết*
* Khái luận và Phê-bình Thi-ca cũ — *Hoàng-thiếu-Sơn*
* Vũ-như-Tô (kịch lịch-sử, VI) — *Nguyễn-huy-Tưởng*
* Những ông nghè triều Lê (LXXII) — *Ứng-Hòe*
* Khoa học Việt-nam — *Phiên-Thúc*
* Trung-ngôn — *Trãi-Quan*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết, XV) — *Chu-Thiên*

Tòa báo: 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Một năm 18$00 — 6 tháng 9$50 — 3 tháng 5$00 — Mỗi số 0$40

PHẢI CÓ CÁI GÌ ĐỂ LÀM

ĐẶC-TÍNH CỦA NGƯỜI MÌNH CHÚ?

HOA-BẰNG

Sau mấy ngàn năm học chữ hán, viết văn tàu, phần đông người mình, vì quá say sưa cái « áo tốt » của « phò-mã » Trung-hoa, đã rập theo Tàu từng nước bước một: Tàu kinh nghĩa tám vế, ta cũng tám vế kinh nghĩa; Tàu văn sách chữ súc, ta cũng chữ súc van sách; Tàu thơ hạn vần, ta cũng hạn vần thơ... Rút cục đến khi tiếp-súc Âu-tây, ta chỉ còn lại mớ tục-ngữ ca-dao, mấy tập thơ nôm, mấy tập truyện nôm là lãi đó.

Rồi thời thế biến thiên...

Rồi việc học, việc thi thay đổi...

Chúng ta gác bút lông, cầm bút sắt...

Trong khoảng ngót một thế-kỷ nay, ta đã loay-hoay chật vật trong bao nhiêu vấn-đề:

Hớt tóc, để tóc... Mặc tây, mặc ta... Văn-minh vật chất, văn-minh tinh-thần... Nhuộm rang, cạo răng... Thơ cũ, thơ mới... Bảo-tồn, phá hoại... Triết-trung, điều hòa... Rút lại, ta chỉ lo tính cái mầm, cái ngọn, chứ chưa phải là làm đến tận cội gốc!

Đã đành gần nay, về phương-diện nào ta cũng phớt qua một lượt:

Văn-học: chúng ta đã quen thuộc với Voltaire, với Anatole France, với André Gide...

Sử học: chúng ta không lạ đối với Augustin Thierry, Michelet, Renan.

Kinh-tế học: chúng ta đã thiệp-liệp đến Karl Marx, đến Adam Smith...

Thi ca: chúng ta đã qua cổ-điển, qua lãng-mạn, qua tượng-trưng, và đang « đa-đa » (dadaïsme), đang « lập-thể » (cubisme)...

Mỹ-thuật: chúng ta cũng từng chịu ảnh-hưởng của Roland Oudot, của Legueult, của Inguimberty và của Brianchon...

Triết-học: chúng ta lại « mò-mẫm » đến cả Bergson, Kant, và Epicure...

Hết thảy mọi phương diện — chẳng hạn từ văn-học đến nghệ-thuật — chúng ta đều « ăn » của người, nhưng ta đã biết « hóa » để làm của riêng của mình chưa?

Bình tĩnh mà nói, từ hình-thức đến tinh-thần, ta nay cũng có một đôi phần tiến. Nhưng cái óc mô-phỏng của ta hãy còn tỏ rõ sờ-sờ trong hết thảy mọi mặt.

Lối mở khách-thính (salon), người ta đã có từ thế-kỷ thứ 17, thế mà nay ta lại muốn đi theo vết chân của người đã để lại hàng mấy trăm năm!

Thể thơ « đa-đa », cách nay độ vài mươi năm, do một số thi-sĩ Pháp vì lập dị mà xướng suất, thế mà bây giờ ở ta đã có một nhóm người chạy theo rồi: họ đặt những câu thơ mà không ai biết là họ muốn nói gì nữa!

« Bắt chước nhăn mày »: gái Đông-Thi chỉ nghề tỏ ra giàu tính nô-lệ!

« Chúng ta phải làm *con cháu* của cổ nhân, chứ không nên làm *nô-lệ* của cổ-nhân. » Đối với cổ nhân, ta nay còn cần phải dè dặt thay, huống chi đối với « gió bốn phương », ta há lại nên bạ chiều nào cũng xoay theo chiều ấy?

Vẫn biết trong khi ồ-ạt theo mới, không cứ ở đâu, người ta thường vẫn có những cái điên-rồ không sao nín cười được! Chẳng thế, ở Thổ, lúc Mustapha Kemal cổ vũ duy tân, sự nhảy đầm cũng được cho là một món cần phải nhập cảng! Ở Nga, lúc Pierre le Grand sốt sắng cải-cách, sự hút thuốc lá cũng được coi là biểu-hiệu « văn-minh » cần phải áp dụng!

Nhưng ở ta, thời-kỳ điên-rồ ấy không nên kéo quá dài mãi. Ta nay cần phải, với cặp mắt sáng suốt, trông rõ thời-cục; với trí phán-đoán, biết lựa lấy những cái hay và loại ra những cái dở.

Nhân bài học dĩ-vãng, ta tìm lấy đôi chút kinh nghiệm: Tẩy sạch cái óc hư văn, bài-trừ cái hiếu thượng trọng khoa cử, giẫm sát xuống tận mặt đất vững-chắc mà nắm lấy hai chữ « lập thành » (*đứng trong chân thật*) như Vương Dương-Minh đã đề-xướng. Nhắc-nhở ôn lại để giữ lấy những cái cố hữu nào là anh-hoa, là tinh-túy, nhưng quả-quyết không đi giựt lùi và đừng quên nhặt-lượm những cái mới tốt, mới hay của người khác.

(*Xem tiếp trang 17*)

NAM ĐÀN BÁT CHÂU THI THẢO

Tác-giả TÙNG-VÂN *đạo-nhân*

XLIII

Thúy-Kiều mộng thấy Đạm-Tiên thơ.

(Phê Kiều 8)

Khóc người xưa, đã khéo dư nước mắt;
Trở về nhà, thôi-thoát lại chiêm bao.
Người thục-nữ, khách tiêu-kiều,
Bâng-khuâng Trang các, dặt-dìu Đào-nguyên.
Ư-hiền, một nén hương nên ý-khí,
Chị em, mười bài vịnh tỏ tài-hoa.
Cõi trần dâu bể xem qua,
Mười lăm năm nữa, cũng là mộng trung.

XLVI

Lãm thúy-hiên đệ nhất vịnh:

« Ngô Việt thương-gia »

(Phê Kiều 9)

Nơi kinh Bắc, một khu hiên sáng-sủa:
Người đi đâu? mà buồng đó để không?
Nét vàng, dấu chữ còn phong,
Cây trông xanh tốt, đá trông sẵn-sàng.
Nền Đồng-tước, chi nhường màu bích-toả;
Gác Quan-âm nào kém vẻ sơn-hồ.
Cười ai áng lợi nhỏ tơ;
Xa-xôi bể Việt, sông Ngô chưa về!

Chú thích

Nơi kinh Bắc = Kinh-đô triều Minh, nơi sản-xuất Thúy Kiều, Thúy Vân, hai vị tuyệt-thế giai-nhân.

XLV

Lãm-thúy-hiên đệ nhị vịnh:

« Du học, hỏi thuê »

(Phê Kiều 10)

Gió viện trước, hải đường mơn-mởn,
Trăng sân sau xế ngọn lê-hoa.
Xinh thay! lắm cảnh mặn mà:
Bên là thu-cúc, bên là xuân-lan.
Trên vách phấn, túi đàn lơ-lửng;
Trước rèm hoa cập sách đề-huề.
Khéo ai cách-trở sơn-khê;
Lấy điều du-học hỏi thuê những ngày...

Lãm thúy hiên đệ tam vịnh:

« Âu hẳn duyên trời »

(Phê Kiều 11)

Khách văn-chương mừng thầm rồi đấy;
Thói phong-lưu chốn ấy chữ bài.
Ba sinh âu hẳn duyên trời,
Kén nơi thanh nhã cho người hảo-hoa.
Màu kinh-sử, lân-la trong quán khách,
Cảnh phong hoa, khép mở mé tường đông.
Trong hiên bút-giá, thư-đồng.
Ngoài hiên đã thấy bóng hồng hay chưa?

Chú-thích

Bút giá = Cái giá để gác bút thường chạm trổ bằng đá mà hình tam sơn.

Thư-đồng = Cái ống để đựng cuốn sách hoặc cuốn van thường chế bằng gỗ hoặc bằng sứ, chạm trổ có công-phu mà hình-tròn hoặc lục lăng. (But-giá với thư đồng đều thuộc về loại van phòng tứ bảo, chớ đọc lầm là « bút giá như đồng ».

XLVII

Lãm-thúy hiên đệ tứ vịnh:

« Có hiên lãm thúy. »

(Phê Kiều 12)

Có hiên thẳng, có người thăm, xuân có chủ,
Khiến cho xuân, khỏi hổ với trăng già.
Cửa sài mở đóng then hoa,
Sau thềm oanh hót, trước nhà yến bay.
Cầm Tư-mã so giây loan phượng,
Lối thiên-thai mở khóa động đào.
Bởi người quân tử đi vào,
Cho hiên tô-điểm biết bao phẩm đề.

XLVIII

Phú-đắc **« Đạo tòng-phu lấy chữ trinh làm đầu »**

(Phê Kiều 13)

Tôi chữ « trung », làm con chữ « hiếu »
Phận gái sao cho xứng đạo tòng-phu.
Giá nghìn vàng, trước phải tu,
Sau khoe chữ « sắc », sau đua chữ « tài ».
Vườn đào mận mặc ai ong bướm,
Chất phỉ-phong, giữ thói tuyết băng.
Những tuồng dâu bộc gió trăng;
Quân-tử biết rằng: « cầu chúng làm chi ».

Chú-thích

« Giá nghìn vàng = « Chữ trinh đáng giá nghìn vàng ».

TÙNG-VÂN

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 20

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XIV.— Tên quận huyện nước Nam về đời Tiền-Lý

Trong bài *Etudes d'histoire d'Annam*, I, *La dynastie des Li antérieurs (543 601)*, ông Henri Maspero dẫn sách Tàu (như quyển *Nguyên-hòa quận huyện chí*, quyển *Thái-bình hoàn-vũ ký*) để làm chứng rằng nước Tàu sang cai trị nước ta vào hồi Tiền-Lý, có thay đổi cả đến những tên quận, tên châu và tên huyện. Nay lấy những sách ấy ra xét lại xem có thể tin được không, hay là cũng chép sai như những chức « thứ-sử Giao-châu » lấy trong sử Tàu.

Nguyên-hòa quận huyện chí (quyển 38, tờ 2 a-b) chép rằng châu Giao có tên từ đời Hán, tức là từ năm 203 sau Thiên-Chúa; đến đời Ngô, vào nam 226, chia làm hai, là Giao và Quảng, rồi lại gồm vào làm một châu Giao. Nam 590 nhà Tùy bỏ quận Giao-chỉ làm Ngọc-châu, nhưng vẫn để tên Giao châu. Cùng năm ấy nhà Tùy bỏ huyện Tống-bình (tờ 3 b) và huyện Bình-đạo (tờ 4 a), thuộc Giao-châu, đổi huyện Vũ-bình làm Sùng-bình (tờ 4 a), cũng thuộc Giao-châu; lấy một phần huyện Vũ-bình và cả huyện Thái-bình lấm huyện Long-bình (tờ 5 a), chia huyện Long-biên, đặt huyện Giao-chỉ (tờ 5 a).

Ông Henri Maspero (*La dynastie des Li antérieurs*, trang 23) chép nhầm chữ Vũ-bình ra Vũ-ninh. Ông chép nhà Tùy đặt ra châu Hưng cũng nhầm: chính là nhà Trần đặt ra từ năm 557 đến năm 588 (*Nguyên-hòa...*, quyển 38, tờ 9 b). Đọc đến hai niên-hiệu này, chắc độc-giả sẽ hỏi: nếu có nhà Tiền-Lý, nếu nước ta được tự-chủ từ năm 541 đến năm 602, thì sao năm 557 588 nước Tàu lại can-thiệp vào việc hành-chính của nước ta, thay châu này; đổi huyện kia như thế. Xin giả lời rằng: đây là tôi mới lấy sách Tàu ra chữa những chỗ nhầm-lẫn của ông Henri Maspero; nhưng cũng nên nhớ rằng dù sách Tàu có chép đúng chăng nữa, cũng chỉ là theo mấy ông quan Tàu ở triều-đình thay đổi ở trong giấy mực, chứ thực ra dân Giao-châu có theo hay không, cũng không biết đến: duy có một điều chắc, là nếu dân đã theo thì việc gì phải cử người sang đánh đến hai lần?...

Nay hãy xét nốt những tên châu huyện trong sách Tàu.

Nguyên-hòa quận huyện chí (quyển 38, tờ 9 b) chép năm thứ 18 hiệu Khai-hoàng, tức là năm 598, — chứ không phải là năm 599 như ông Henri Maspero chép ở bài *La dynastie des Li antérieurs* (trang 23), — nhà Tùy đổi châu Hưng làm châu Phong. (Năm 535 nhà Lương đặt ra châu Hoàng, đến năm 598 nhà Tùy đổi ra châu Lục, chứ không phải châu Ngọc, như lời ông Maspero. Chữ Lục nghĩa là đường bộ, vì châu ấy có đường giáp bể, cho nên đặt tên là Lục (*Nguyên-hòa...*, quyển 38 tờ 10 b).

Còn châu Ngọc, thì trên kia tôi theo quyển *Nguyên-hòa...* » đã chép năm 590 nhà Tùy bỏ quận Giao-chỉ, đổi làm châu Ngọc. Nhưng xem bộ *Thái-bình hoàn vũ-ký* (quyển 170, tờ 2 b), lại thấy mãi đến năm 622 nhà Đường mới đặt ra châu Ngọc, cho thuộc vào phủ Giao-châu. Giá cứ tin ông Maspero chép theo quyển *Nguyên-hòa...*, thì đã bảo rằng: « Đấy! đang hồi Tiền-Lý, chẳng có nhà Tùy sang cai-trị là gì! » Nhưng quyển *Thái bình...* (cũng là sách Tàu.) lại chép khác hẳn: mãi đến nhà Đường, sau đời Tiền-Lý đến 20 năm mới đặt ra châu Ngọc.

Theo quyển *Nguyên-hòa...*, thì Lương Vũ-đế đặt ra châu Ái và châu Đức vào khoảng năm 523, đến năm 598 nhà Tùy đổi châu Đức làm châu Hoan (quyển 38, tờ 8 b), năm 607 nhà Tùy đổi châu Ái làm quận Cửu-chân (quyển 38, tờ 6 a).

Cả quyển *Nguyên-hòa ..* (quyển 38, tờ 3 b) và quyển *Thái-bình...* (quyển 170, tờ 6 a) đều chép nhà Lưu-Tống (420-477) đặt ra Tống-bình, Riêng quyển *Thái-bình...* chép rằng: « Thứ-sử Giao-châu đời Hán làm việc ở Long-biên, đời Đường đặt ra đô-hộ Giao-châu ». Đến *Khâm-định Việt-sử* (tiền-biên, quyển 4, tờ 32 a.) thì chép rằng năm 825 nhà Đường đời phủ đô-hộ (tức kinh-đô) đến Tống-bình, và dẫn quyển *Phương-dư kỷ yếu* của nhà Minh (tức sách Tàu) như thế này: « Huyện Tống-bình ở phía nam phủ Tống-bình là đất huyện Long-biên đời Hán ». Xem như thế thì Tống-bình đời

Đường với Long-biên đời Hán đều là Hà-nội bây giờ, chứ không phải như ông Henri Maspero nói Long biên là Bắc-ninh mà Tống-bình là Hà-nội.

Sử chép thế nào?

Việt-sử lược (quyển 1, tờ 9 a) chép năm 602 « Phật-Tử giữ thành Việt-vương, làm loạn; con người anh là Đại Quyền giữ Long-biên ». *Tùy-thư* (quyển 53, tờ 4 b) cũng chép « Lý Phật-Tử làm loạn, giữ thành cũ Việt-vương, sai con anh là Đại-Quyền giữ thành Long-biên ». Vậy trong đời Tiền-Lý thành Long-biên vẫn ở Hà-nội, chứ không phải như ông Maspero nói trong bài Tiền-Lý (trang 23) rằng: « Long-biên là kinh-đô châu Giao, ở vùng Bắc-ninh (?) (hồi Tiền-Lý) cũng dời đi chỗ khác, dọn bẵn sang Tống-bình, ở chỗ Hà-nội bây giờ. »

Xét *Tùy-thư* (quyển 2, tờ 3 b) thì « năm 590 ở Giao-chỉ bọn Lý-Xuân (có lẽ là Lý Phật-Tử) đều tự xưng đại-đô-đốc, đánh hãm các châu huyện. vua nhà Tùy sai Thượng-trụ-quốc nội-sử-lệnh Việt-quốc-công là Dương-Tố sang đánh dẹp ». Dương-Tố có đánh được hay không, đến năm nào đem quân về Tàu sử Tàu đều không chép, chỉ chép tháng 11 năm 590 vua Tùy ban chiếu sai đi. *Đại-Việt sử ký* (quyển 5, tờ 12 a thì chép « sang đánh không được, trở về » (lại thảo, vô công, nhi hoàn). Vì thế đến năm 602 nhà Tùy lại phải sai Lưu-Phương sang đánh (*Tùy thư*, q. 53 tờ 4 b). Cứ như vậy thì từ tháng 11 năm 590 đến năm 602, bờ cõi châu Giao có lẽ chắc-chắn là về tay Lý Phật Tử. Vả lại chính sử Tàu (*Tùy thư*, q. 2, tờ 3 b) cũng chép rằng Lý-Xuân tự xưng đại-đô đốc, đánh hãm châu huyện. Thế mà *Nguyên-hòa quận huyện chí* lại chép năm 590 nhà Tùy thay đổi các châu huyện: như thế có phải là chép sai không? Vì tháng 11 năm ấy mới sang đánh, không thấy trở về, thế thì còn ngày tháng nào mà thay đổi châu huyện?

Lại một lẽ nữa, là niên-hiệu nguyên-hòa vào khoảng năm 806-820, so với đời Tiền-Lý từ năm 541 đến năm 602, cách nhau đến 200 năm, mà trong khoảng 541-602 ngang với bên Tàu là đời « Nam Bắc triều » thì sử sách chép lấy gì làm chắc-chắn?

Cứ xét ngay như quyển *Nguyên-hòa quận huyện chí* chép « năm 590 bỏ quận Giao-chỉ làm Ngọc-châu », mà *Tùy thư* lại chép cũng năm ấy « bọn Lý-Xuân đánh hãm Giao-chỉ », thì cũng đủ biết rằng chính người Tàu đổi tên mà người Tàu cũng không biết; nên mới có thể nghi rằng việc thay đổi này chỉ chép trong giấy-má ở triều-đình bên Tàu, chứ không đem sang thực-hành ở bên nước ta, vì bên nước ta lúc bấy giờ đã độc-lập hoặc đang đánh người Tàu:

Vả lại, trên kia tôi đã nói: đem việc thay đổi ấy so với *Thái-bình hoàn-vũ ký* cũng thấy khác. Tuy bộ sách này soạn sau bộ *Nguyên-hòa*, nhưng xét ra chép còn có lý hơn, nên phải dẫn ra đây cho đủ. Nguyên-bản của Nhạc-Sử đời Tống. *Từ-nguyên* (quyển thìn, trang 166) chép Nhạc-Sử người Nghi-hoàng, tên tự là Tử-chính, đỗ tiến-sĩ thứ nhất đời Nam-Đường, đến đời Tống (vào khoảng Tống Thái tông, 976-997) làm quan đến chức Tây-kinh lưu-đài. Bản sách của Trường Bác-cổ in lại năm Quang-tự thứ tám, tức năm 1882. Quyển 170 (tờ 2 b) chép rằng khi nhà Tùy dẹp được nhà Trần (năm 589), thì bỏ quận Giao-châu, đặt ra châu Giao (tức là bỏ chữ quận, chỉ dùng chữ Giao-châu); năm 605 lại đặt quận, đến năm 622 mới đặt Ngọc-châu

Hai quyển sách Tàu mà khác nhau như thế: *Nguyên-hòa quận huyện chí* thì chép « năm 590 bỏ quận Giao-chỉ làm Ngọc-châu », mà *Thái bình hoàn-vũ ký* thì chép « năm 622 mới đặt Ngọc-châu »: thế mới biết không nên tin cả vào sách Tàu. Ông Henri Maspero không nói chi đến chỗ này. Có lẽ *Thái-bình hoàn-vũ ký* chép đúng hơn: mãi đến năm 622 (sau đời Tiền-Lý), chứ không phải năm 590 (trong đời Tiền Lý), Tàu đổi Giao-châu làm Ngọc-châu

Thái bình hoàn vũ ký (q. 170, tờ 2 b) cũng có chép đến nhà Tùy, nhưng chỉ chép: khi nhà Tùy đánh được nhà Trần, và đầu đời Tùy Dãng-đế, tức là năm 605, mới thay đổi quận huyện, chứ không chỗ nào chép về năm 590 như quyển *Nguyên-hòa quận huyện chí*. Đầu đời Tùy Dãng-đế là sau khi Lưu-Phương đã đánh được Lý Phật-Tử, thì không phải bàn đến. Còn như khi nhà Tùy dẹp được nhà Trần, thì theo lệ thường, có thay đổi ít nhiều tên đất ở trong bờ cõi, để cho khác chính-thể: cái đó thì dễ hiểu lắm.

Vậy có thể kết rằng: về cách xếp đặt trong nước cũng như về các chức thứ-sử Giao-châu, mấy quyển sách Tàu mà ông Henri

(Xem tiếp trang 8)

Nhân đọc

THI-SĨ TRUNG NAM

(của ông Vũ Ngọc-Phan)

NỀ UY *viết*

Vừa rồi nhà xuất bản Tân-Dân cho ra quyển thứ nam của Tân Pho-thông chuyên san : quyển *Thi sĩ Trung Nam* của ông Vũ Ngọc Phan

Như lời tác giả đã nói ở đầu sách và đã tập y lại ở trang cuối cùng, quyển sách này chỉ là một tập « thi thoại » chép thơ và một ít dật-sự của những « thi sĩ đàng trong, nghĩa là từ Quảng-bình trở vào cho đến mũi Cà mau và sống trong khoảng từ thời Tự-Đức cho đến gần đây, tức là lớp người thuộc hàng ông cha chúng ta » (tr. 3). Nhưng luôn tiện ông Vũ Ngọc-Phan có nói đến Phan Sào-Nam là người Nghệ.

Tuy tác-giả có nói rõ : « dật sự cùng thi văn của các thi-sĩ ấy) đến nay chưa có sách báo nào sao lục cả » (tr. 88), tôi lại thấy rằng 9/10 tài-liệu của quyển *Thi-sĩ Trung Nam* đều đã có từ lâu trong các sách, báo. Ông Vũ Ngọc-Phan chỉ có công chép lại thôi. Và nhiều khi, lặp lại những điều mà người ta đã nói, ông làm mất cái « duyên xưa » đi nhiều ; ta chỉ đọc những đoạn mà hai quyển *Thi-sĩ Trung Nam* và *Chương-dân thi-thoại* (của Phan Khôi) đều nói về một chuyện thì ta đủ rồi.

Dầu sao, quyển sách mỏng-mảnh ấy cũng làm hài lòng được ít nhiều những người muốn tìm mấy bài thơ rải rác trên mặt báo của bà Sương-Nguyệt-Anh, hay của Phan-van-Trị, Huỳnh Mẫn-Đạt, Sào-Nam, Tây-Hồ, Minh-Viên... Và hơn nữa một đôi vần ngộ-ngộ của cậu Cả Ngưu, bài « *Ngư tiều trường diện* » của nhà bác-học Trương Vĩnh Ký, mấy câu tả cảnh bóng-bẩy dẽo gọt của Huỳnh Quỳnh Viên, bài « *Khuyên con gái* » của Trần Cao-Vân...cho kẻ mến thơ xưa, tò-mò về thơ cũ mới thích vui bất ngờ rất dễ chịu của một người quí đồ cổ đi ngang qua một gian hàng có vài miếng mẻ sành không tuổi.

Cũng vì cái tâm-lý ấy, nên tôi chẳng nề nghe thấy cạn hẹp mà xin bày tỏ đôi chút ý-kiến riêng, chứ đâu dám tự xưng là « biết hơn » để « đính-chính và bổ-chính những điều sai lầm và thiếu sót » như lời ông Vũ Ngọc-Phan đã nói.

Vấn-đề văn-học ở nước ta còn mồ-hồ rắc-rối lắm, vì tài-liệu văn-chương chưa được mấy người khảo xét kỹ-càng, châu-đáo : còn gì thảm bằng thấy hai ba bản *Chinh-phụ ngâm* sai-thù mà không biết bản nào là đúng là của ai cả.

Vậy nên bổn-phận của các bậc thức-giả ngày nay là phải lưu tâm đến việc cần kíp ấy mỗi khi có dịp nói đến thi văn cũ. Theo chỗ tôi hiểu-biết, thì văn thơ mà ông Vũ Ngọc-Phan chép đó còn có đôi nơi sót thiếu.

Ở trang 63, như trong *Chương-dân thi-thoại* ông nói có người ra bà Bang Nhãn đầu đề nầy : « Phượng hoàng đua, bìm bịp cũng đua ; mâm thau nhịp, mâm nan cũng nhịp », bà làm đủ toàn thiên, song ông chỉ nhớ có hai câu 3, 4. Tôi nghe ở Quảng-nam đều nói đầu-đề là : « Mâm thau nhịp, mâm nan cũng nhịp ; phượng-hoàng đua chịp bịp cũng đua. » Và toàn thiên ấy như thế nầy :

« Mâm nan chịp bịp ngụy chưa tề !
Đua nhịp ai răng cũng rứa thê ?
Vuốt-ve lông cánh, theo ngàn nhẫn,
Chung chạ thanh âm đủ tám nghề.
Sen đến rã bùn xơ-xác cũng,
Bèo ngàn đàng nước đứng đừng chê.
Leo thang chớ vội cười chi cóc,
Cung nguyệt tuy cao cũng đặng về ! »

Bài này chỉ được có 4 câu đầu vừa nhã, vừa ăn sát đầu đề ; còn bốn câu sau hơi lẳng, có lẽ vì tác-giả cố đạt một ý riêng gì chăng ?

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có :
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tín-nhiệm hoàn toàn

Ở trang 18, về một bài thơ của Ông-Ích-Khiêm, cũng như ông Phan Khôi ở *Chương-dân thi-thoại* trang 26 và ông Trần thanh-Mại ở *Tuy-Lý vương* trang 156 (ông Mại chỉ chép theo ông Khôi), ông Vũ Ngọc-Phan chịu thiếu 2 câu 5, 6 (ông Phan cũng chép theo ông Khôi). Trừ 2 câu thiếu ra, bản của ông Khôi (tức là của ông Mại, ông Phan) có khác ít nhiều với bản của ông Nguyễn-Tường-Đôn ở Hội-an mà tôi được nghe như thế này:

« Mình ốc mang rêu rửa sạch ai?
Rung cây nhát khỉ thói quen hoài!
Mèo quào phên đất đừng khoe giỏi!
Sửa nhảy qua đăng mới gọi tài!
Chưa đặng đường dài vung dấu ngựa,
Dễ đâu lấy thúng úp mình voi!
Truông qua chưa khỏi đừng khinh khái!
Chim sổ lồng bay để đó coi! »

Đến trang 64, về bài thơ vịnh Cửa Hàn (Tourane) của bà Bang Nhãn, tôi thấy trong *Thi-sĩ Trung-Nam* (tr. 64) chỉ có bốn câu đầu. Tôi đã định nghe cả toàn thiên mà ngày nay xem lại *Sông Hương* số 3 tôi thấy ông Phan Khôi đã chép y:

« Rần-rần ngựa lại với xe qua!
Nhượng địa là đây có phải à?
Liếc mắt nhìn xem phong cảnh lạ
Ôn lòng chạnh tưởng nước non ta!
Nỗi niềm tâm-sự ai chừ hỏi?
Nghĩ cuộc tang thương bực lắm mà!
Tưởng đến người xưa thương đất cũ,
Căm gan riêng giận bấy trời già!

Vì bà Bang-Nhãn không hề chép văn thơ của mình, nên người ta truyền miệng rồi có đổi chỗ khác nhau. Như câu « *nỗi niềm tâm-sự ai chừ hỏi?* » có người đọc là: « *Nào tay hồ thỉ đi đâu vắng?* »

Trong *Sông-Hương* số 3, ông Phan Khôi có chép hai bài nữa của bà Bang; một bài « Tiễn đưa một ông phủ bị cách chức » và một bài tứ tuyệt « Ăn canh bầu nhà chị em bạn »,

Đây tôi xin miễn trưng ra vì nếu phải lục hết thi văn miền « *Trung Nam* » mà tôi biết — nhất là riêng tỉnh Quảng-Nam — thì đông-đài lắm. Công việc ấy tôi xin hẹn ngày sau mới hòng có thì-giờ làm cẩn-thận được.

Tôi chỉ nói về những cái mà ông Vũ Ngọc-Phan đã nói trong sách ông. Tôi xin kể luôn những nơi ông và tôi nghe biết khác nhau.

Về bài « Trời triều đi biển » của Huỳnh Quỳnh-Viên (tr. 66), tôi có nghe đọc một bài thơ tương tợ như thế, nhan-đề là « cảnh chiều thu ».

« Sóng lượn cồn *nam, ác* lặn *tây,*
Thu về *khéo vẽ cảnh chiều nay.*
Sông *lo đất thiếu bù thêm nước,*
Nui sợ trời nghiêng đỡ lấy mây
Tiều quảy gió chiều *đôi gánh* hoạt.
Ngư chài bóng choán *một thuyền đầy.*
Kìa non! Kìa nước! Khi trời đất,
Xin bạn tình đây với cảnh đây » (1)

Không rõ tác-giả là ai, song tôi tin rằng bài nầy và bài « Trời chiều đi biển » có lẽ là một. Vậy bản nào đúng? Và có chắc tác-giả là Huỳnh Quỳnh Viên không, trong khi 2 câu 3, 4 của 2 bài trên hơi giống với 2 câu này mà người thì cho là của Tuy lý vương, người thì của Ôn như-hầu:

« Đất e biển cạn bù thêm nước,
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây »?

Ngoài ra, tôi tưởng ông Vũ Ngọc Phan chép sai hai chữ trong 2 bài thơ của Tú-Quỉ (tr. 62). Ông Vũ chép câu chót của bài « Vịnh hát bội » rằng: « *Đã từng trợn mép lại phùng mang.* » Tôi nghe là « *trợn mắt* », và chính ông Phan-Khôi cũng chịu như thế (*Chương-dân thi thoại* tr. 12), vì làm thế nào mà *trợn mép* cho được? Và trong « *Thi sĩ Trung-Nam* », câu thứ 4 của bài « Vịnh dế dũi » là: « Co tay *vạch đất cũng khoe tài* ». Chắc ông Vũ theo ông Chương-dân (*Chương-dân thi thoại* tr. 13; nhưng dế dũi sao lại có « tay »? Nên « phân » thế chữ « tay » thì có lẽ phải hơn.

(*Xem tiếp trang 18*)

(1) Những chữ và câu in đứng đều khác với bản của ông Vũ Ngọc Phan

NHÀ GIỒNG RĂNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng lả đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(*Tiếp theo trang 5*)

Maspero viện ra đây, không quyển nào chép giống nhau, nên không thể tin được hết cả

***

Truyện Lý-ông-Trọng (trả lời báo *Thanh-niên*), bài nối.

Bài trước (*Tri tân*, số 128, thứ năm 3 février 1944, trang 4-5 và 12) tôi đã nói vì những chữ gì, câu gì tác-giả bài *Lý Ông Trọng*... (đăng ở báo *Thanh niên*, số 14, ngày 4 décembre 1943, và ký tên Nguyễn tử Anh là người vừa nói bịa vừa nói bậy. Suốt 15 dòng trên, không có một dòng nào là dòng đúng: dòng nào cũng nói sai nói xằng. Những dòng dưới cũng thế, tôi dẫn vài câu ra sau đây:

Khâm-định Việt-sử (tiền biên, quyển 1, tờ 13 a) ở mục chú-giải về truyện Lý-ông-Trọng có câu: « Cao hùng-Trưng *An-nam chí-nguyên* Lý ông Trọng... ». Mở đến quyển *An-nam chí nguyên* (bản in lại của Trường Bác-cổ, trang 173) cũng chép là « Lý ông-Trọng ». Thế mà tác-giả lại dịch câu *Khâm-định Việt sử* là « dẫn Cao hùng Trưng Annam chí rằng: « Nguyễn Ông Trọng... » ! Chữ « Nguyễn » ấy, nguyên-văn có đâu ! Nếu bảo chữ ấy là chữ « nguyên », nhà in sắp lầm dấu, thì còn tên sách là *An-nam chí nguyên*, sao lại gọi là *Annam chí* ? Thế là nói về tên sách thì mất chữ « nguyên », nói về tên người thì lầm chữ « Nguyễn ». Sách in rõ ràng mà dịch còn lầm, huống chi tìm-tòi thì làm sao nổi ?

Quả nhiên như thế: tác-giả lấy *Từ-nguyên* dẫn Ông Trọng là người Nam-hải, rồi nói « đâu chắc đã là người Giao Chỉ » ! Thế có phải tác-giả không biết nguyên-ủy chữ Giao-chỉ và bờ-cõi Giao-chỉ trước sau ra thế nào không ? Ngay trang đầu quyển *Đại-Nam quốc-sử diễn ca* có câu « Ngã quốc nguyên hiệu Giao-chỉ » nghĩa là nước ta lúc đầu gọi là Giao-chỉ. Kinh Thư (thiên Nghiêu-điển, quyển 1, tờ 10 a) chép: « Mệnh Hi-thúc trạch Nam-giao... » (sai Hi-thúc đến ở Nam-giao). tập-truyện: « Nam-giao, nam phương Giao-chỉ chi địa... » (Nam-giao là đất Giao-chỉ ở phía nam). *Sử ký ngũ đế bản-kỷ* chép: « Hoàng-đế chi địa, bắc chí ư U lăng, nam chí ư Giao-chỉ » (cõi đất đời Hoàng-đế, vào khoảng năm 2697 trước Thiên-Chúa, thì phía bắc đến U lăng, phía nam đến Giao-chỉ). Người chép Kinh Thư về đời Ung-chính (1723-1734) lại chú-thích rằng: « Nam giao tức Giao-chỉ, là nước An-nam ngày nay ». Vậy thì chữ Giao-chỉ là tên nước ta đã lâu lắm, ít ra từ năm 2697 trước T.-C.

Đến đời Tần (214 trước T.-C.) chia đất nước ta làm Quế-lâm *Nam-hải* và Tượng-quận. Bộ *Đại-Việt sử-ký* (tiền-biên, quyển 1, tờ 14 a) chép: « nhà Tần sai Đồ-Thư và Sử-Lộc, đi sâu vào Lĩnh-nam, cướp lấy đất Lục-lương, đặt ra quận Quế lâm, Nam-hải và Tượng-quận ». *Sử-ký* lại dẫn *Giang-nam chính-nghĩa* chú-thích rằng: « Quận Nam-hải đời Xuân-thu là đất Nam-Việt, từ đời Ngô về sau là đất Quảng châu ».

Thế có phải rõ-ràng Nam-hải thuộc về Giao-chỉ không ?

Đến đời Hán (111 trước T.-C.), tức là sau đời Lý-ông-Trọng, lại chia ba quận của đời Tần làm chín quận, thuộc về bộ Giao-chỉ, ; trong bộ Giao-chỉ có một quận tên là Giao-chỉ, về sau đời Tấn, Tống, Tùy, Đường, cũng có khi là quận Giao-chỉ, cũng có khi là huyện Giao-chỉ.

Ấy nguyên-ủy và bờ-cõi Giao-chỉ là thế. Tác-giả lại cãi rằng: « người Nam-Hải, đâu chắc đã là người Giao-Chỉ ». Thế là không biết Nam-hải chính là ở trong Giao chỉ, chỉ biết lấy tự-vị tàu ra tra từng chữ một, mà cắt nghĩa lại sai !

Từ nguyên (quyển tý, trang 388), dưới chữ Nam-hải, chép rằng: « Quận danh, Tần trí Quảng-đông; cựu Quảng-châu Thiều-châu, Trào-châu, Huệ châu, Triệu-khả, Nam-hùng chư phủ châu... ». Tác-giả dịch là « Nam Hải là tên quận, nhà Tần đặt. Những đất thuộc về Quảng đông cũ, như:

(*Xem tiếp trang 21*)

Đã có bán về dịp Tết:

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê của Nam-Cao giá 2$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt-Nam, với một ngòi bút danh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt Nam; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu-đáo, các bạn đều nên có cuốn **Nửa đêm của Nam-Cao.**

VUI XUÂN

Tức Hoa Mai số Tết của Ngô-Hòa giá 0$30

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân của Thế-Hưng giá 0$30

Nhà xuất-bản Cộng-Lực N° 9 Rue Takou — Hanoi

THƠ' HỒNG-ĐỨC

(bổ-chính)

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TÔ

Số xuân Giáp-thân (*Tri-tân*, số 126 127, trang 4) có dẫn bốn câu thơ vịnh hoa trong tập *Hồng-đức quốc-âm thi*, nay có bạn độc-giả muốn đọc cả bài, tôi chép lại như sau đây :

Vịnh hoa

Cửa ngọc sinh thành giống lạ nhường,
Hoa hoa đua nở nức mùi hương.
Má hồng mới học tô phấn,
Nhị ngọc chưa hề bén sương.
Khoe tốt hơn chưng vườn lãng-uyển,
Kết đôi còn đợi chúa Đông-hoàng.
Lại mừng được đất phồn-hoa nữa,
Cành ngọc đòi khi kết quả vàng.

Nhân tiện tôi chữa lại mấy chỗ sai. Hai câu dưới cùng ở bài vịnh Xuân (in ở trang 8) phải đọc là :

Nam-nhi kịp thuở trong khi ấy,
Xốc ngựa tràng-an mới phỉ nguyền.

Chữ nôm viết « kim » bên chữ « lộc », nên đọc là « ảo » ; còn chữ dưới là chữ « ngự », nôm đọc là « ngựa ». Nếu đọc theo chữ là « ảo ngự », thì không rõ nghĩa, nên đọc là « xốc ngựa », vì ta có tiếng « xốc áo », « cưỡi ngựa », mà người thì đỗ thì ngay xưa được mặc áo vua ban và cưỡi ngựa đi xem hoa.

Câu 3-6 ở bài vịnh hoa (in ở trang 8) chữa là :

Mỗi đóa xuân xua bông bạc chiếng,
Đòi chòm thu muộn khóm vàng pha.
Phi Đường chi nhọc lin thôi lận,
Chúa Tống đà nhiều phát thường qua.

Câu thứ hai ở bài hoa giấy (cũng in ở trang 8) đọc là :

Nở chẳng chờ chàng Yết-cổ thôi

Yết-cổ là tên sách của Nam-Trác đời Đường, chia làm hai tập : tập trên kể lịnh-giạng cái trống của rợ Hung-nô và kể các việc từ đời Huyền-tông ; tập dưới kể việc tri-âm của Tống-Cảnh và chép thêm các cung bực hát theo trống rợ Hung-nô.

Đấy là về chữ *Yết cổ*. Đến chữ « thôi » do chữ « Thôi-hoa-cổ », thì *Từ-nguyên* (quyển tý, trang 226) dẫn *Khai-nguyên di sử* như sau : « Mồng một tháng hai Đường Minh-hoàng chơi vườn thượng-uyển, gọi Cao lực-sĩ lấy trống rợ Hung-nô tới hiên múa đánh, hát khúc *Xuân-quang hảo*. Ngoảnh trông cây hễu cây hạnh thấy mới nở, Minh-hoàng cười, bảo Quí-phi rằng : « Có đáng gọi ta là ông Giời không ? » Mà Tô-thường có câu thơ : « Thôi-hoa Yết-cổ biến tân thanh », nghĩa là cái trống rợ Hung-nô giục hoa nở, đổi sang tiếng mới.

Vì là hoa giấy, nên câu thơ Hồng đức, chép lại trên kia, nghĩa là không phải đợi có người đánh thứ trống yết-cổ để giục mới nở.

Bài *Hoa-ảnh* (bóng hoa) in ở trang 8, chữa lại như sau :

Lãng-uyển đầm-hâm ngày tháng chầy,
Trong hoa bóng ác ắt còn say
Khi phê phai, giương cơn giỏ,
Thuở rườm rà, quét ảng mây,
Ong đỗ nhọc nhằn cành ngọc đỏ
Bướm bay uốn ẻo nhị vàng bay,
Tiên-nga những bóng hương vừa lạ,
Chạy đến, ngờ là, mừng rỡ thay !

Bài *Hoa cúc* (in ở trang 8) có bốn câu trên, đọc là :

Nết na nhận khắn khác chưng loài,
Chiếm được thu chơi ít có hai
Hương ắt chín nhiều vàng chín cỏ,
Tuyết đà chẳng nhuốm, bạc chẳng phai

Câu thứ năm ở bài *Mẫu đơn* (trang 9) chữa là :

Khắp trong đời khen quốc sắc.

Câu cuối đọc là :

Thấy mặt, trong lòng những đoạn trường !

Bài cây mơ (*Mai thụ*, trang 9) đọc câu đầu là :

Trội cành nam chiếm một chồi

Còn những chữ in nhầm dấu thì nhiều lắm : thí dụ « khi gió thôi » in là « khi gió thổi », « Nhà truyền thanh - bạch chẳng từng khối » in là « khỏi », « Kham hạ điều canh còn để đợi » in là « đền canh », « Đông trọn đông, đầu xuân một nhường » in là « ..chọn .. nhượng », « Khác thường lại có này hơn nữa » in là « Ngộ thường lại có nơi hơn nữa », « Tám xanh đột đột lá hư không », Tiết cứng chẳng kinh sương tuyết biến », « Tài cao dưỡng để miếu đường dùng », « Sấu-lĩnh danh thơm dễ sánh cùng » (đều ở trang 9), « Tận mặt đầu cành thuở gió dung », « Sương tuyết nào hề biến được mình », « Lầu xuân chưa tỉnh ba canh nguyệt », « Tốt tươi dễ động hứng Huyền-tông », tức Đường Minh hoàng (trang 36), v v.

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TÔ

Khái luận và Phê-bình Thi-ca cũ

Lịch-sử và Thi-ca

Thi-nhân và lịch-sử — Vè và ca-dao là những mẩu phim con của cuốn phim lịch-sử — « Văn-chương chiến-tranh » : Những lời cảm-khái thiết-tha — Những bản khải-ca đầy lòng khiêm-nhượng — Những lời tự-nguyện ái-quốc, trung quân — Những bài thơ huyết-lệ

của HOÀNG THIẾU SƠN

Godefroid Kurt có nói rằng: « *Đối với tất cả các dân tộc, anh-hùng-ca là thể đầu tiên của lịch sử, ấy là lịch-sử trước khi có nhà chép sử* ». (1)

Dân tộc Việt Nam, như tôi đã nói, có một linh-hồn giả-giặn, chúng ta không thích những thiên anh-hùng ca hoang-đường, lịch-sử văn-học của ta có quan hệ mật-thiết đến sử-ký nước ta. Các văn-nhân, thi-nhân của chúng ta phần nhiều là những kẻ đã đóng những vai-tuồng quan-trọng trên sân-khấu lịch-sử Việt-Nam.

Một bản thống kê nhỏ sẽ cho chúng ta thấy rõ điều ấy. Trong số trên hai trăm nhà văn, nhà thơ có để lại tên tuổi ít nhiều trong lịch-sử văn học nước nhà, theo danh sách của ông Cordier (2), hơn một trăm năm mươi nhà đều là những huân-thần thạc-vọng, lúc sinh-tiền đã cầm vận-mệnh quốc gia, nhiều nhà là đại chính-trị gia, nhiều-nhà đã ra kinh-bang tế-thế, hai mươi vị đại-tướng đã làm vẻ-vang cho giống nòi, mười lăm bậc anh-quân, thánh chúa, mười lăm bậc thiền-sư siêu nhiên thoát tục, mười vị phu-nhân đài-các và thông-minh, có cả một nhà tiên-tri nhìn suốt tương-lai qua mấy thế-kỷ. Trong số ấy không có đến mươi nhà nho « *ăn no, lại nằm* » không có duyên nợ với chốn trường-ốc, và chỉ đóng một vai-tuồng mờ ám trong lịch-sử, phần nhiều đều sống về cuối thế kỷ thứ XIX trong lúc giao thời giữa hai thời kỳ mới cũ. Thật là một sự có thể gọi là cổ kim hy hữu trong lịch sử văn học thế-giới. Abel Bonnard đã ngạc-nhiên khi thấy phần nhiều các văn sĩ thi-sĩ Trung-hoa đều là các ông quan (3). Abel Bonnard sẽ ngạc nhiên đến đâu khi ông ta nghiên cứu đến tiểu sử các nhà văn nhà thơ Việt-nam, vì ông ta sẽ nhận thấy các văn sĩ, thi sĩ của ta là một Trần Hưng-đạo, một Nguyễn Trãi, một Nguyễn bỉnh-Khiêm, một Thánh tôn.

Lịch-sử Việt-nam quan-hệ mật thiết đến thi-ca Việt-Nam. Tôi đã nói đến sự liên-lạc ấy khi kể đến những vè. Có điều rất đáng chú ý là những vè ấy đối với dân-tộc ta có một địa vị trọng yếu mà ta rất ít thấy ở các dân-tộc khác. Bên Âu-châu những vè, những bài hát đạo mà người Pháp gọi là « *péan* », là « *cantilène* » đã mất hẳn từ thời-kỳ Trung-cổ hạ màn, đã mất đi với những nhạc công phiêu-lưu, những « *trouvères* » « *troubadours* ». Trái lại bên ta mãi cho đến đầu thế-kỷ XX vẫn còn những nhà nho dựa theo những việc đã xảy trong xã hội để làm vè, mà có lẽ ngày nay những người xẩm, người mù vẫn luôn luôn tự đặt hoặc được khẩu truyền những vè mới để hát dao. Xã hội nầy là một xã-hội yên-tĩnh, người sống trong xã hội nầy ai ai cũng là một nhà thi-sĩ đã cảm.

Bất cứ một việc gì, từ một trận chiến-thắng của toàn-quốc đến một câu chuyện tình của một nàng công-chúa, từ sự thoán nghịch của một kẻ lộng-thần đến cuộc khởi loạn của một nhà nho, đều để lại ít nhiều dấu-vết trong thi-ca, trong ca-dao. Mỗi lần một việc gì có tính cách công-cộng xảy ra trong đoàn-thể, quốc-thị xúc-động, ít

nhiều ông đồ đại-diện cho dư-luận chung của toàn-thể dân chúng làm nên những bài vè để phẩm-bình những hành vi, cử-chỉ ấy. Những vè ấy truyền-tụng một thời, xong cùng với thời-gian chết đi trong trí nhớ những lớp người hậu-tiến. Nhưng một ít câu hát thú-vị hơn hết, đã chấp cả thời-gian, sống còn lại và rơi vào địa-hạt ca-dao :

Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước hãy thương nhau cùng.

. . . . . .

Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo !

. . . . . .

Ai đem con sáo sang sông,
Để cho con sáo sổ lồng sáo bay !

Đấy có để là những di-tích của những bài vè xưa kia dài-giòng, đầy-đủ.

Mọi việc xảy trong quốc-sử đều để dấu vết lại trong ca-dao, nên ca-dao Việt-nam khác nào những mẩu phim con, họp lại làm nên một cuốn phim lớn có đầu đuôi mạch-lạc rõ-ràng thuật lại lịch-sử dân-tộc nầy trải qua các thế kỷ.

Một người Việt biết tự-trọng, — bất cứ ở thời-đại nào, — cũng có một nền luân-lý chắc-chắn. Họ rất không ưa những sự bại-tục, đồi phong. Ca-dao cũng vì thế, cũng như *Đại Nam quốc-sử diễn ca* đầy vẻ bao-biếm. Có lắm vè, lắm truyện, ngâm đầy một lòng vô tư rất can-đảm.

Bạn vàng lại gặp bạn vàng,
Long, lân, qui, phụng một đoàn tứ linh !
Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ :
Chàng về Hồ Hán, thiếp về hồ Tây.

Thống chế Pétain đã nói :

Các người đã tin cậy bản-chức, mỗi ngày lại đem đến cho bản chức những chứng-thực cảm - động. Bản chức cũng một lòng quy mến các người, đồng tâm hiệp lực, chúng ta cùng chia sẻ công-việc nhọc nhằn để sửa soạn đưa nước Pháp trở lại cuộc hòa-bình.

Trê, Cóc truyện, Trinh thử tân san đều là những lời phẩm-bình gắt-gao của dân-chúng.

Vè, ca-dao thuật lại những việc đã xảy trong quốc sử, có một loại thơ ca khác lại tiên tri đến cả những việc chưa xảy ra. Ấy là những sấm, vĩ để đoán trước lâu-lai của cả dân-tộc. Ca dao bi thiết làm lòng người cảm-động, sâm-vĩ vì tính-cách huyền-bí, trái lại, có một vẻ kỳ-vĩ khác thường.

Nhưng dấu-vết của lịch-sử để lại trong thi-ca, phần hùng-tráng nhất không phải trong các vè và ca-dao hay sấm vĩ, — trừ những vè như *Chinh-khí ca* không kể, — mà chính trong những loại văn chương sau nầy mà trên kia tôi đã gọi là « *văn chương chiến tranh* » và « *văn chương quân-sự* » (4).

***

Ngày xưa, nhà độc-tài Cléon của thành Sparte là một ông tướng không biết nghề võ, lại chân quê. Nhưng Cléon là một nhà thi sĩ. Khi Sparte có chiến tranh, những bài ca hùng tráng, ái quốc của nhà độc tài tàn tất đã làm cho ba quân phấn-khởi toàn thắng bên địch.

Bốn câu thơ ở đời Lý khi đánh Tống, bốn câu thơ mà không một người Việt Nam nào được quyền không biết đến, — đối với chúng ta là những bài thơ mãnh-liệt của Cléon vậy.

« *Nam quốc sơn hà nam đế cư...* »

Đó không phải là một lời tiên-tri, đó chính là một « ám hiệu » đã diễn-dịch một cách bi-thiết cái quyền của một dân tộc muốn sống, quyết sống, đòi sống, cuộc sống thiêng-liêng của mình.

Trong những lúc tổ quốc khuynh-nguy, cảm-hứng hay đến với người thơ một cách thiết-tha, hùng kiện. Lòng thương nước thương nòi bồng bột, sôi nổi trong lời thơ.

(Xem tiếp trang 15)

1) « *Pour tous les peuples, l'épopée est la première forme de l'histoire. C'est l'histoire avant les historiens* » G. Kurt cité par Petit de Julleville (Histoire de la langue et de la littérature française).

2) Morceaux choisis d'auteurs « annamites ».

3) En Chine.

4) *Nên phân biệt loại* « văn chương quân sự » *và loại* « văn chương chiến tranh ». « Văn chương quân sự » *là loại văn dùng trong lục hành-quân như những hịch, cáo để truyền lệnh cho quân-sĩ, ví dụ,* « Hịch tướng sĩ-văn » *của Hưng Đạo-Vương.* « Văn chương chiến tranh » *là loại văn lấy nguồn cảm hứng ở những cảnh đó chiến tranh gây nên, để ca-tụng hay bài-xích chiến tranh, hoặc thuật lại những hồi oanh liệt, những cảnh thương tâm lúc giao binh ; ví dụ : những thơ cảm-khái của Phạm ngũ Lão, Trần quang Khải lúc Trần Nguyên giao-chiến, hay* « Le Feu » *của Henri Barbusse,* « Les croix de Bois » *của Roland Dorgelès.*

PHẠM ẤT

Công họ Vũ! Có biết đâu nó xin cho mình để phục-dịch nó. Ăn với huệ gì? Bác chẳng biết, nó là con yêu quái ra đời hại nước. Cứ xem ông vua nào mê tửu sắc, thích cung điện đều mất nước cả. Bất tường chi triệu. Những kẻ như thằng Tô hi biết gì đến dân đến nước?

NGUYỄN-BA

Sao Bác khắc-nghiệt thế? Cố lên mới được. Xong ái đài này, chả gì mình cũng là tay xây dựng. Chết cũng vui lòng. Con cháu mình cũng được thơm lây.

PHẠM ẤT cười

Ngu lắm. Ngu lắm. Công gì đến thứ mặt bác. Ai biết đến bac Chả nghe các cụ nói: «Nhất tướng công thành vạn cốt khô». Người ta chỉ biết Vũ như Tô, người ta trầm trồ khen ngợi nó, chứ bác với tôi, và cả một vạn thợ, thì ai nghĩ đến?

NGUYỄN-BA

Nói thế thì vô cùng. Bác gàn lắm. Nhưng kìa Vũ-như-Tô

Cả bọn thợ làm việc. Vẻ lấm lét.

Cảnh II

VŨ-NHƯ-TÔ — THỢ

VŨ-NHƯ-TÔ

Nào, xin các bạn cố lên một chút. Đằng kia người ta đã làm gấp rưỡi rồi. Các bạn nghe tiếng hát có vui không? Nhưng sao các bạn có bề mỏi mệt (cầm tay một người còn trẻ) Em khóc ư? Em nhớ nhà? Để anh xin Thiên-tử cho em về nguyên quán (vỗ vai một người khác). Mặt sao đỏ gay, mắt sao đỏ ngầu thế này? Cảm hay say nắng. Lỗi ở tôi không trông nom chu đáo để bác vất vả. Thôi, đi mà nghỉ? (đưa mắt nhìn mọi người) mệt oải quá. Ốm yếu hết. Thế mà tôi bận việc này việc khác. không biết đến cho anh em, không gọi cả thầy thuốc nữa. Các bạn ngồi xúm cả vào đây (cả bọn quây lấy Vũ). Vũ vỗ vai một vài người.

Các bạn hãy nghỉ cả nhé. Nghỉ vài buổi vậy. Hay có cần thì để tôi tâu Hoàng-đế cho về, không sợ. Anh em ta bây giờ được trọng đãi rồi. Đây Triều đình vừa ban cho tôi một lạng vàng thưởng công để gửi cho vợ con. Nhưng tôi thì có công lao gì? Anh em mới đáng thưởng. Vì thế tiền này chia cả cho anh em.

CẢ BỌN cảm động.

Chúng tôi có làm sao đâu. Còn tiền vua ban xin ông giữ lấy.

VŨ NHƯ-TÔ

Tôi có tài đức gì mà giữ lấy. Đây là lòng thành, xin anh em nhận cho.

CẢ BỌN có người khóc

Anh em không dám (bàn với nhau) Nào ta đứng dậy bắt tay vào việc nào.

VŨ NHƯ-TÔ

(cầm thoi vàng để vào tay một người) Anh em chia nhau nhé.

NGƯỜI THỢ lúng túng.

Đâu dám

VŨ NHƯ-TÔ

Cứ cầm lấy, không nên khách khí (cười, cả bọn cùng cười. Bọn thợ đứng lên, bắt đầu làm việc. Họ đào móng).

CA BỌN

Bọn ta cố lên, không bọn khác vượt mất.

VŨ NHƯ-TÔ

(nhìn mọi người một cách nhân từ chợt vẻ mặt trở nên nghiêm nghị). Nhanh lên một chút! (Cúi xuống xem móng đào) Cọc đóng còn thưa lắm. Làm những lâu đài muôn thuở thì cần nhất móng đào. Ai muốn nghỉ thì đi mà nghỉ. Nhưng đã làm thì làm cho ra dụng (bọn thợ cúi đầu làm việc cho chăm chú. Vũ-như-Tô đi xem xét từng li từng tí mặt nghiêm nghị lại thêm vẻ say sưa).

Cảnh III

Những người trên. LÊ-TƯƠNG-DỰC — CÁC QUAN

LÊ-TƯƠNG-DỰC tươi cười ngoảnh bảo các quan:

Vũ tiên-sinh thật có tài đại tướng Một vạn thợ đều răm-rắp tuân lệnh. Mắt tiên-sinh không hề bỏ sót một nơi nào.

CÁC QUAN

Cũng là nhờ hồng-phúc Hoàng-thượng, nên Trời mới giáng sinh một người tài giỏi.

LÊ-TƯƠNG-DỰC nói với VŨ

Tiên-sinh thực là thiên-tài. Trẫm đi xem-xét các nơi, đài tuy chưa đâu vào đâu, nhưng đã thấy muôn phần kỳ-lạ.

VŨ-NHƯ-TÔ

Hai năm nữa thì đài hoàn thành.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Được thế thì trẫm may mắn biết bao! Trẫm chỉ mong đương độ thanh-xuân được ở cái đài huy-hoàng vĩ-đại này, có chết cũng không oán thoán (cầm tay Vũ) Thế mà suýt chút nữa thì trẫm giết hại một bậc siêu phàm. Tiên sinh nên lượng cho trẫm (quay bảo các quan) có phải không chư khanh?

Kich lịch-sử

Vũ như Tô

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Số 6

CÁC QUAN

Tâu Hoàng-thượng, nay Hoàng-thượng hậu đãi tiên-sinh thế là đủ rồi. Ở đời ai chả có cái nhầm?

LÊ-TƯƠNG-DỰC đắc ý

Rồi trẫm phong quan tước cho Vũ tiên-sinh để thưởng công lao...

VŨ-NHƯ-TÔ

Quan-tước tiện nhân không màng. Xong việc thì xin về tỉnh-dưỡng ở quê nhà. Vốn là kẻ quê mùa, tiện nhân không thích đời xa-mã.

LÊ TƯƠNG DỰC

... Và trẫm còn phiền tiên-sinh nhiều. Xây xong cửu-trùng-đài, lại xin tiên-sinh xây cho cái khác. Trẫm muốn Thăng long thành một nơi hoa-lệ nhất trần-gian. Việc đó phi tiên-sinh thì ai làm nổi? Tiên sinh không nên lãng phí tài trời.

VŨ NHƯ-TÔ

Xin Hoàng-thượng hãy để xây xong Cửu trùng-đài đã. Xây xong điện-nhân cũng đủ già đời rồi.

LÊ-TƯƠNG-DỰC nói với Lê-An

Không có khanh thì bao giờ trẫm có cái diễm phúc gặp Vũ-tiên sinh. Công khanh không nhỏ.

LÊ AN

Hạ thần có công lao gì? Đó là hồng-phúc của Hoàng thượng, đó là điềm mừng của thời thịnh trị. Cúi xin Hoàng-thượng được hưởng phúc trời thống trị trời Nam.

LÊ TƯƠNG DỰC

Khanh nói thực hợp ý trẫm.

Vũ-như Tô lắc đầu đi ra, tỏ ý khinh bỉ.

Tương-Dực nhận thấy, sầm nét mặt lại.

CÁC QUAN

Vũ là một tên vô lễ.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Trẫm không sao chịu được. Nghĩa là...

Bọn cung nữ vào.

Cảnh IV

VUA, CÁC QUAN, CUNG-NỮ, THỢ

BỌN CUNG-NỮ tươi cười líu ríu.

Hoàng thượng muôn năm! Hoàng-thượng muôn năm!

LÊ TƯƠNG-DỰC

Các khanh đến đây làm gì? Vất vả có phải đâu là phần các khanh? Phận sự các khanh là ở nơi buồng thêu trướng gấm, ở bên Thượng-uyển, Liên-trì

KIM-PHƯỢNG

Hoàng-thượng còn phải thân-hành ra đây trông nom, không quản khó nhọc, phơi thân vàng trong nắng gắt, chị em thần thiếp có lẽ nào được yên lòng ngồi trong cung-cấm. Chúa vất-vả thì bề tôi không được an-nhàn.

LÊ-TƯƠNG-DỰC cười khanh khách.

Các khanh thực là trung nghĩa. Cả nước ai cũng được như các khanh thì trẫm còn phải lo gì? (quay bảo các quan) cho các ngươi lui.

CÁC QUAN cúi đầu

Xin tuân thánh-chỉ

Ra.

Cảnh V

LÊ-TƯƠNG-DỰC, CUNG-NỮ, THỢ

KIM-PHƯỢNG

Xin Hoàng-thượng gìn vàng giữ ngọc. Tiện thiếp thấy thánh-thể võ đi nhiều. Thân vạn thặng, Hoàng-thượng cần giữ-gìn. Lũ tiện thiếp mỏi không đáng kể.

LÊ-TƯƠNG DỰC

Thân yêu kiều mới là thân đáng trọng Trẫm chịu khó một chút. Đài xây xong trẫm tha hồ sung-sướng với chư khanh. Và chúng ta yến ẩm, vui chơi, cho đến khi đầu bạc.

MỘT NGƯỜI CUNG NỮ

Ơn thánh chúa, chị em, thần-thiếp dẫu cho óc gan đồ địa cũng không sao báo đáp được trong muôn vật.

LÊ-TƯƠNG DỰC

Vẻ đẹp thanh kỳ kia, dáng ngọc yêu kiều nọ, phải có đài Cửu-trùng mới xứng. Vũ-như Tô nói là không xây cho các khanh nhưng mỗi khanh trẫm sẽ ban cho một lầu tuyệt đẹp và huy hoàng nhất, trẫm sẽ gõ chiếc kiềng vàng, các khanh ăn mặc sang trọng từ trong các lầu ra quây lấy trẫm ở điện Trung-ương. Hoặc ta sánh vai nhau đứng trên cao ngắm trang lên ở phía Tây-hồ Hay các khanh lả lơi, tay chèo thuyền gấm, ca hát vang trên sóng nước, nhịp theo tiếng trúc, tiếng tơ, rồi cùng ngủ say sưa bên gối thêu, nệm vóc, phiêu nhiên như trong bội Bàn-đào.

KIM-PHƯỢNG

Chí-tôn muôn tuổi! Thần-thiếp mong Ngài chóng xây xong đài tuyệt thế, để chị em thần-thiếp được tận-tâm thờ phụng. Chỉ phiền Vũ-như-Tô không chịu hầu hỗn-láo và khinh rẻ chị em thần thiếp...

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 72

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa quí-sửu (1493) hiệu Hồng-đức thứ 24, lấy 22 ông đỗ đệ tam-giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân, lần-lượt như sau:

1. — **Nguyễn-quảng-Mậu**, người xã Thiết-úng, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc (nay là Bắc-ninh). Đỗ năm 24 tuổi. Làm quan đến thừa-chánh sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 43 a).

2. — **Nguyễn-Tinh**, người xã Văn-xá, huyện Lang-tài, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm bính-dần (1506), đang làm quan lại-khoa đô-cấp-sự-trung, được cử ra làm giám-thí khoa thi-toán (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh bắc, tờ 122 b). Về khoa thi ấy, bộ *Khâm-định Việt-sử* (quyển 25, tờ 22 b) chép như sau này: « Tháng chạp năm bính-dần (1506) hiệu Đoan khánh thứ hai đời Lê Uy-mục-đế, sai binh-bộ thượng-thư là Nguyễn-quang-Mĩ, lại-khoa đô-cấp-sự-trung là Nguyễn-Tinh, giám-sát ngự-sử là Nguyễn-trọng-Đạt, xét quân-sĩ và nhân-dân thi viết thi tính ở sân điện Giảng-vũ. Đến ứng-thí hơn 30.000 người, lấy đỗ bọn Nguyễn-tử-Cơ 1.519 người, lựa chọn người hơn được 144 người, phúc-khảo lấy được 25 người đỗ, cho sung vào Văn-hóa học-sinh, còn bao nhiêu (tức 119 người) đều cho làm lại-dịch ở các nha trong kinh ngoài trấn ».

3. — **Phạm-Mật**, người phường Thịnh-cuông, huyện Quảng-đức, phủ Phụng-thiên, thành Thăng-long. Đỗ năm 38 tuổi. Làm quan đến thừa-chính-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 43 a).

4. — **Nguyễn-quảng-Văn**, người xã Đồng-khê, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm 37 tuổi. Làm quan đến cẩm-y-vệ chánh-đoán-sự. Là cao-tổ Nguyễn-xuân-Dung, đỗ tam-giáp khoa bính-thìn 1676, hiệu Vĩnh-trị đời vua Lê Hi-tông (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 60 b).

5. — **Lưu-thắng-Ân** (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 111 b, chép là **Lưu-thắng-Khải**), người xã Trạm-lộ, huyện Gia-định, phủ Thuận-an, trấn Kinh bắc. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung. Là cháu Lưu-thúc-Kiệm, đỗ thái-học-sinh năm canh-thìn 1400 hiệu Thánh-nguyên thứ nhất đời Hồ-quí-Li (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 43 a).

6. — **Phạm-đức-Trinh**, người xã La-phù, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. (Hà-đông). Đỗ năm 28 tuổi. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 23 a).

7. — **Vũ-trực-Hành**, người xã Yên-các (Yên-lư), huyện Thủy-đường, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm 27 tuổi. Làm quan đến phủ-doãn Phụng-thiên (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 43 a).

8. — **Nguyễn-chính-Khanh**, người xã Đại-định, huyện Thanh-oai, trấn Sơn-nam (Hà-đông). Nhà ở làng Đồn-bối, huyện Thanh-lâm, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (*Đăng khoa lục* quyển 1, tờ 43 a).

9. — **Đỗ-Đảo**, người xã Tam-dị, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Làm nhà ở xã An-bần. Năm đinh-mão 1507 hiệu Đoan-khánh, đang làm chức công-bộ hữu-thị lang, phụng mệnh sung chức chánh-sứ sang nhà Minh tạ về việc vua Tàu trí-tế vua Lê Hiến-tông (Duệ-hoàng đế, 1497-1504) (*Đăng khoa bi khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 80 b).

10. — **Trịnh-Tuyền**, người xã Triêu-dương, huyện Vĩnh-phúc, phủ Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hóa. Đỗ năm 38 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Thanh-hóa, tờ 9 b).

11. — **Nguyễn-thời-Ung**, người xã Đa-ngưu, huyện Tế-giang (Văn-giang), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 26 tuổi. Trong đời Đoan-khánh (1505-1509) làm quan đến chức tham-chính Thanh-hoa. Tháng 11 năm kỉ-tị (1509), « Lê Uy-mục-đế duồng đuổi những tôn-thất và công-thần về Thanh-hoa; ngoại-thích là bọn Khương-Sung tự chuyên oai phúc: dân-gian thất vọng... Nguyễn-văn-Lang là người họ gần với thái-hậu cũng bị đuổi. Lúc bấy giờ Giản-tu-công Oanh cũng bị giam, lo-lót với quân canh giữ, mới chốn thoát về Tây-đô; đi đến cửa bể Thần-phù, Nguyễn-văn-Lang đón làm minh-chủ. Oanh nhân đem những đại-thần là bọn Nguyễn-Diễn, Ngô-Khế, Nguyễn-bá Cao, Lê-Trạm, cùng với

đồng-binh thiêm-sự Thanh-hoa là Nguyễn-bá-Tuấn, thừa-tuyên-sứ là Lê-Tung, tham-chính là Nguyễn-thời-Ung, cùng khởi binh, sai Lương-đắc-Bằng làm bài hịch, dụ đại-thần và trăm quan, trả xưng là Cẩm-giang-vương, dựng cờ chiêu an, tiến bức thành Đông-kinh » (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 25, tờ 32 b-33 a). Tháng giêng năm canh-ngọ (1510) hiệu Hồng-thuận thứ hai, vua Lê Tương-dực-đế « bàn công dẹp loạn, cho... Nguyễn-thời-Ung làm ngự-sử đài đô-ngự-sử, tước Lương-văn bá » (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 26, tờ 1 a-b). Dần dần thăng phụng-trực đại phu, thự hàm thượng-thư. Trong niên-hiệu Quang-thiệu (1516-1526) Mạc Đăng-Dung lộng quyền, Nguyễn-thời-Ung ngầm theo: vua Lê Chiêu-tông (1516-1526) biết ý, ghét là gian-nịnh, giam ở điện Quỳnh-vân. Sau vua Lê Chiêu-tông bị Mạc Đăng-Dung bắt hiếp vào Thanh-hoa. Khi đã đi khỏi, Mạc Đăng-Dung thả Nguyễn-thời-Ung, rồi lại gả con gái cho, để làm bè-đảng của mình. Năm quí-mùi (1523) hiệu Thống-nguyên tiến phong tước hầu: năm ấy Nguyễn-thời-Ung 56 tuổi. Sau lại được phong Thông quận-công. Mạc Đăng-Dung cướp ngôi, thăng Ung làm thiếu-bảo. Khi Ung chết truy tặng quốc-công. Đến triều Lê trung-hưng, truy phong, các bầy tôi tiết-nghĩa, cho Ung là người có chân khoa-bảng mà phản-phúc, bèn cấm con cháu không được đi thi (dịch trong *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 95 b-96 a).

(Còn nữa)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Lịch-sử và Thi-ca

(Tiếp theo trang 11)

Đời sống của dân-tộc nầy trải qua mấy mươi thế-kỷ đã bao lần bị đe-dọa, và mỗi lần thi-ca đã được giàu thêm những trang thơ tâm-huyết. Nhất là dưới đời Trần, lúc chúng ta giao binh cùng Mông-cổ, các thi-nhân, — phần nhiều là các thượng tướng, — đã để lại nhiều bài ca ái-quốc.

Sau trận thất-bại đầu tiên trước quân cường-Nguyên, Trần-Nhân-tôn cảm-hứng đề vào bánh lái thuyền ngự:

Cối kê cựu sự quân tu ký
Hoan Ái do tồn thập vạn binh.

Dịch:

Cối-kê chuyện cũ ngươi nên nhớ:
Thanh Nghệ đang còn chục vạn quân!

Hai câu thơ, nhưng một bài học ái-quốc qua gương thiên-cổ của người xưa, và cả một chí phục thù quả quyết, một sức tự-tín tràn-trề.

Sức tự tín kia đã đem đến sự phục-thù nọ, nhưng sau khi làm nên « *chuyện Cối kê* » thứ hai, chúng ta đã không có cái tự phụ trẻ con của kẻ chiến thắng đắc chí. Vua Trần-Nhân-Tôn đã hoàn toàn tin ở sức phù-trì của tổ-tiên và hồn thiêng của Tổ quốc:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

Dịch:

Xã tắc hai phen bon ngựa đá,
Non sông một thuở vững âu vàng.

Qua chốn chiến-trường sông Bạch-đằng lừng lẫy ấy vua Trần Minh-Tôn cũng chỉ nhớ đến những tử sĩ đã vì nước bỏ mình:

« Vân vân kiếm kích bích toàn-ngoan,
Hải thận thôn triều quyển tuyết lan.
Suyết địa hoa điền xuân vũ tế,
Hàm thiên tùng lãi vãn phong hàn.
Sơn hà kim cổ song khai nhãn,
Hồ Việt doanh thâu nhất ỷ-lan.
Giang thủy đình-hàm, làn nhật ảnh.
Thác nghi chiến huyết vị tằng can! »

Dịch:

Vờn mây gươm đá biếc chơi-vơi,
Trắng xóa lầu trai sóng lụt trời.
Hoa đất thêu xuân, mưa ngớt hạt,
Thông chiều thổi sảo, lạnh buông hơi.
Non sông kim cổ: đôi trông mở!
Hồ Việt hơn thua: một dựa chơi!
Vụn rắc ánh tà, sóng lấp loáng,
Ngỡ màu chinh chiến máu đang phơi! (5)

(Còn nữa)

HOÀNG THIÊU-SƠN

5) *Bản dịch của Hoa Bằng*

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa:
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt: *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi tỉnh hoa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

Xung-quanh vấn-đề danh-từ

Khoa-học Việt-nam

PHIÊN-THÚ

Trong số 5 và số 9, Khoa học, tôi có xướng lên một ý riêng để đặt thêm danh-từ khoa học; vì ý hơi mới cho nên thức-giả cũng có người tán thành, cũng có người công-kích. Nay tôi xin viết bài nầy để phô diễn hết tài liệu; xét hết lợi, tệ, cho mọi người biết đủ nguyên ủy mà suy xét.

Ý chính của tôi là đương lúc đầu mình đặt ra danh từ khoa học, mình nên đặt ra *tiếng một* cho những chữ quan trọng thường dùng, bởi vì tiếng mình là tiếng đơn-âm; và bỏ những chữ chắp Tàu theo nghĩa dịch ra như chữ hàn-thử-biểu, cao-độ-kế, nhĩ-hạ-tuyến dưỡng-khí, đạm-khí, huyết-cầu, v. v.

Không nói thời ai cũng biết những chữ chắp có nhiều điều bất tiện, mình bớt được chừng nào hay chừng ấy. Nhưng tiếng mình đã nghèo, lại chưa khi nào dùng vào khoa-học, cho nên không đủ tiếng một mà dịch hết danh từ, tất nhiên phải đặt ra tiếng mới.

Xin kể thí-dụ nầy đủ rõ. Như một tiếng *gân* của mình mà trong phẫu học phải dịch hết cả những chữ nầy : *tendon, aponévrose, ligament, nerf, veine.* Như vậy thời có dùng kéo léo đến đâu, cũng không thể dịch hết; trừ ra chỉ có cách giở tự-điển Tàu ra chép, hoặc đặt chữ chắp tiếng mình.

Sự đặt ra tiếng mới, như tiếng pháp đa-âm, có gốc lại có thể thay đổi thành rất dễ. Chữ Tàu có bộ cũng còn có thể đặt được; nhưng vì độc-âm và viết nhất định, họ mới phải đặt ra chữ chắp. Còn tiếng mình đọc theo âm, không gốc, không bộ, thời lại càng khó hơn nữa.

Theo thiển ý thời có 3 cách :

1°) Tùy trường hợp chọn những tiếng mình mà có thể dùng được. Thí dụ : nhân tên lá gan (foie) lá lách (rate) lại nhân hình cái pancréas dài như lá liễu, mình đặt nó là *lá liễu*, hay *liễu*. Tiếng bắp thịt (muscle) đừng dùng, nhân cái hình bắp-thịt, hơi giống cái bẹ chuối, bẹ cau, mình đặt là *bẹ*. Theo phương nầy có vẻ hay và tiện; nhưng nên biết trường hợp thuận rất ít.

2°) Chữ đôi mà mình có thể bớt một, mà nghĩa vẫn rõ. Thí dụ như chữ vận-động lấy chữ *động*, giải-phẫu lấy chữ *phẫu*, thần-kinh lấy chữ *thần* Thực hành phương nầy cũng chả được bao nhiêu.

3°) Đặt ra tiếng mới. Nhưng tiếng mình đã không gốc, không bộ, thời còn biết vịn vào đâu mà đặt; không lẽ đặt khống ra, không dính líu gì đến thanh-âm mình, hoặc chữ Tàu. Bởi vậy tôi mới nghĩ ra cách lái ngược lại mà đặt ra chữ mới. Chữ quốc-ngữ chính theo lối lái tạo thành. Thí dụ : Tha-anh 二 thanh, ba-át 二 bát. Bây giờ mình theo lối ấy đặt ra chữ rất hợp lý.

Nay tôi xin kể ra ít nhiều danh-từ khoa-học của Tàu :

Parotide : Nhĩ-hạ-tuyến : 耳下腺
Biceps : Nhị-đầu-cổ cân : 二頭股筋
Quadriceps : Tứ-đầu-cổ-cân : 四頭股筋
Artère : Đông-mạch : 動脈
Veine : Tịnh-mạch : 靜脈
Cubitus Chẩu-cốt : 肘骨
Radius : Nảo-cốt : 橈骨
Thermomètre : Hàn-thử-biểu : 寒暑表
(Baromètre : Phong-vũ-biểu : (1) 風雨表
(hay : Khí-ấp biểu : 氣壓表
Altimètre : Cao-độ-kế : 高度計

Mấy lâu nay các nhà viết báo, viết sách và nhất là làm tự-điển cứ in hẳn như vậy mà chép ra. Tiếng là dịch, nhưng nói là chép thời đúng hơn. Làm như vậy cũng là bất đắc-dĩ; vì không có cách nào hơn; chứ ai cũng biết là không có gì là tiện lợi lắm; chỉ trừ ra chữ Tàu đọc ra nghe thuận âm hưởng mình.

Bây giờ thử dịch ra tiếng mình : nhị-đầu-cổ-cân : *bắp-thịt-cánh-hai-đầu*; tứ-đầu-cổ-cân : *bắp-thịt-đùi-bốn-đầu*; hàn-thử-biểu : máy-đo-nóng-lạnh v. v. nó vẫn lòng-thòng bất tiện như vậy.

Có người bảo cứ dùng ngay chữ pháp có hơn không? Ôi! nói thế thời còn bàn làm gì nữa! Vả dịch ra quốc ngữ cốt để cho người không biết chữ pháp dùng; mà thử nghiệm một người không học qua chữ pháp, có thể nhớ được những chữ như cubitus, quadriceps, thermomètre không?

Xem danh-từ khoa-học của Tàu, tôi đã thấy rõ chỗ thất sách của họ. Khi họ dịch ra danh-từ khoa-học, họ chỉ dịch ra cho đúng nghĩa đen từng chữ; chứ họ không theo một tiêu-chuẩn nào và họ không tìm tiện lợi cho tiếng họ cũng một tiếng độc-âm như tiếng mình. Các ngài thử nghiệm trong sách thuốc tàu xưa có khi nào có những chữ ngô-nghê như chữ «nhị-đầu-cổ cân» không?

Nay xin kể rõ những chỗ thất sách:

1°) Không có tiêu-chuẩn nhất định. Như chữ *cubitus* dịch là *chẩu-cốt*, nghĩa là xương cùi; và *radius* là *não-cốt* là xương hình cong như khúc gỗ cong. Những chữ pháp mà cuối cùng có chữ *mètre*, chỗ dịch là *biểu*, chỗ là *kế*, lại chỗ là *khí* (器).

2°) Không bao giờ hóa ra một chữ riêng, khi nào cũng phải kèm theo chữ chủ nghĩa như *cân* (muscle), *tuyến* (glande), *cốt* (os), *biểu* hay *kế* (mesure), vì những chữ đầu *nhị-đầu*, *nhĩ-hạ*, *chẩu*, *hàn-thử* đã có nghĩa sẵn rồi. Những chữ ấy dùng đến đời nào, nó cũng là một chữ dịch, một câu định-nghĩa; chứ không hóa thành một chữ.

3) Họ cố dịch cho đúng nghĩa đen từng chữ, một cách nô-lệ, chứ không kể gì tánh cách tiếng họ. Nay xin kể tên 8 cái xương con nơi cổ tay thời hiểu rõ:

Scaphoïde: Chu-trạng-cốt: 舟狀骨
Semi-lunaire: Nguyệt-trạng-cốt: 月狀骨
Pyramidal: Tam-lang-cốt: 三棱骨
Pisiforme: Uyển-đậu-cốt: 豌豆骨
Trapèze: Đại-đa-giốc-cốt: 大多角骨
Trapèzoïde: Tiểu-đa-giốc-cốt: 小多角骨
Grand-os: Đầu-trạng-cốt: 頭狀骨
(chỗ nầy có hơi thay đổi, không hiểu vì sao)
Os crochu: Hựu-câu-cốt: 有鉤骨

Nên lưu ý rằng những chữ nầy khi đầu tiên người Âu chỉ dựa vào cái hình hơi tương tự mà đặt ra cho có tên khác nhau mà gọi; chứ có nghĩa gì đích-xác đâu, mà mình cứ bo-bo theo dịch cho đúng nghĩa đen, để đặt ra những tiếng lòng-thòng như đại đa-giốc-cốt. Tại sao mình lại không kiếm cách đặt ra cho gọn hợp với tiếng mình?

Như họ đã đặt ra được chữ tuyến 腺 để dịch chữ glande, sao họ không đặt ra chữ nầy 旋 để dịch chữ parotide, tùy ý muốn đọc bằng «*nhuyến*» hay gì mặc lòng; chả gọn và hay hơn chữ nhĩ hạ-tuyến hay sao?

Như bộ xương sao họ không sắp một nửa chữ «cốt», một nửa chữ tượng-hình cái xương. Thí dụ: Như chữ 骨 "大 骨 đặt ra chữ nầy 腊 chả gọn hơn sao?

Chữ cắp bất tiện về in và viết đã đành; còn đọc cũng vậy. Chữ pháp tuy nhiều vần, nhưng đọc thành một chữ. Còn chữ tàu và tiếng mình cũng vậy, dầu có viết liền lại bởi những phết con, hoặc liền hẳn, hoặc làm dấu sổ một bên như Tàu, dầu đọc nhau lên nữa, nó vẫn rời.

(Còn nữa)

PHIÊN-THỨC
(Phan-rang)

---

(1) Tôi không hiểu vì sao mà dịch là «phong vũ-biểu». Có lẽ lúc đầu, người dịch thấy cái máy ấy dùng để xem nắng mưa, không hiểu rõ lấy kết-quả làm nguyên nhân, rồi đặt ra tiếng ấy; cũng gần một quan-niệm như mình gọi cái thermomètre là «ống kẹp nách».

MỘT BỘ SÁCH:

Cổ nhất Đông-Phương!
lạ nhất nhân - loại!

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy diễn thành một pho sách cực kỳ hùng vĩ. Đó là bộ:

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thấy tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giấy trên dưới 2000 trang in luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng:

Hạng giấy thường	sẽ bán từ	20$00
Hạng lụa Đó	đựng hộp bọc lụa	50.00
Hạng Bạch Minh châu	đựng hộp gấm	150.00

Thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

Thi-sĩ Trung Nam

(Tiếp theo trang 7)

Lại đến bài thơ « Lỗ phản ngựa lủng » (tr. 14). Ông Vũ cho là của Tùng-Thiện Vương (Miên-Thẩm). Tôi không biết ông vin đâu mà nói thế và cũng không biết ông chép bài thơ theo bản nào, chớ trong quyển *Tuy-Lý vương* (tr. 57, 58), ông Trần-Thanh-Mại chép khác năm bảy chữ và bảo chắc-chắn là của Tương-An công (miên Bửu) (2).

Trừ hai câu đầu ra, ta hãy xem 6 câu sau của hai bản :

« Thi-sĩ Trung-Nam »	*« Tuy-Lý vương »*
3 Thằng mọi vô tình trầy mắt cá	Thằng mọi vô tình trầy mắt cá
4 Con đòi *vô* ý đổ mâm cơm.	Con đòi *sơ* ý đổ mâm cơm
5 *Thích lòng* chú chuột tha mùi rác	*Vừa cho* . . . . .
6 *Đắc chí* ông ho khạc bãi đờm	*Sẵn chỗ* . . . . .
7 Năm ngoái nam ni còn để vậy	. . . . .
8 *Sao không* mua ván vá thêm lơm	*Không tiện.* . . . . .

Tôi tin rằng ông Trần đã khảo-cứu về Tuy Lý vương thì lý nào cũng phải xem *Khiêm-Trai thi-tập* rồi.

Ở trang 17, ta được đọc 6 câu sau của một bài thơ chữ hán của thời-nhơn nói về mấy nhân-vật của triều Tự-Đức.

3) Nhất giang lưỡng quốc thùy vô « Thuyết »
4) Lục nguyệt tam vương triệu bất « Tường »
5) Chẩm quân thủ trước tân danh « Nghĩa »
6) Sát tướng cầu quan bổn tánh « Trương »
7) Khứ quốc khả liên minh triết giả,
8) Hà thì chiêu tuyết định cương thường ?.

Tôi chắc ông Vũ đã lấy 2 câu khác mà chắp vào làm câu 3, 4. Hai câu ấy tôi thường thấy như thế nầy :

Nhất giang lưỡng quốc nan phân « Thuyết »
Tứ nguyệt tam vương triệu bất « Tường ».

Còn bài kia, tôi có nghe ông Mạc-như Tòng Qui-nhơn đọc đủ thiên mà bốn câu sau y như 4 câu sau của bản ông Vũ, còn 4 câu trước là :

1) An Nam tứ nguyệt hữu tam vương,
2) Khí-khái giang - hùng triệu họa tường.
3) Điện mục hoành sanh Tôn-thất Thuyết,
4) Nhãn tình đa bạch Nguyễn-văn-Tường.

Ông-Vũ lại giảng rằng hai câu chót (7-8) :

« Khứ quốc khả liên minh-triết giả,
Hà thì chiêu tuyết định cương-thường ? »

tỏ ý thương xót Tuy-Lý vương, vì phản đối Tường, Thuyết, nên « bị họ đày vào Bình-định. »

Tôi lại hiểu khác : Tuy-Lý vương sau khi biết bọn Tường, Thuyết đã giết vua Hiệp-Hòa (30 tháng 10 qui-Vị, 29 Novembre 1883) và lập vua Kiến-phước (2 tháng 11 qui-Vị, 1er Décembre 1883), một cách bí-mật và thình-lình, trong lòng vừa lo sợ, vừa bất - bình nhưng chẳng biết làm sao vì kém thế-lực. Mà cứ nén lòng ở yên-lặng thì sợ dư-luận sẽ cho là mình về phe bọn quyền thần, nên vương quyết bỏ nước ra đi :

Vương xuống cửa Thuận, và Trấn-hải thành đầu hàng quân Pháp.

Chữ « khứ quốc » ngụ ý ấy, chứ không phải là chỉ việc vương bị đày vào Quảng nghĩa (1), sáu tháng sau (Juin 1884) sau khi người Pháp không nhận vương, trả vương lại cho Nam-triều.

Từ lâu, tôi nghe có kẻ nói câu đối dán ở trường học :

« Nhà dột đôi ba gian, một thầy, một cô, một chó cái ;

Học trò năm bảy đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đười-ươi ».

là của Ông-Ích Khiêm ; có người nói của Cao-Bá-Quát.

Nay ông Vũ Ngọc-Phan lại quả-quyết rằng của Ông-Ích Khiêm (tr. 15). Tôi không đồng ý, vì xem tiểu-sử của Ông-Ích Khiêm, tôi không thấy ông đi dạy học bao giờ cả mà ông Vũ lại nói là lúc đó « mười sáu tuổi, ông (Ích-Khiêm) được bổ huấn-đạo Thanh-hóa ». Sách *Đại-Nam chính-biên liệt-*

truyện (tập hai quyển 36 tờ 18 b) chép rằng : « Sơ bổ Các thuộc, chuyển Kim-thành tri-huyện » nghĩa là : « Lúc đầu được bổ vào Nội-Các (.....) rồi đổi đi tri-huyện Kim-thành.

Cũng ở sách *Liệt-truyện* tôi thấy là năm Thiệu-Trị thứ 7 (1847), đậu Cử-nhơn, tuổi vừa 15, vua đòi vào Tả-đãi-lậu viện thi lại làm bài thơ « Thiếu niên đăng *cao* khoa », Ích-Khiêm có câu : « Đắc lộ *giai* anh tuấn, bà tài đáp thánh minh. » Vua ban khen : » Ở trong « *Thi-sĩ Trung-Nam* » ông Vũ Ngọc-Phan chép đầu-đề bài thơ là « Thiếu niên đăng khoa » và câu thơ là « Đắc lộ *đa* anh tuấn... »

Nhắc đến vấn đề tác-giả của các bài thơ, tôi tưởng cũng còn nên bàn đôi chỗ.

Về bài « Khóc Bằng-phi » (tr. 10), ông Vũ cho chắc là của vua Tự-Đức, trong khi ông vẫn nhận 2 câu :

« *Đập cổ kinh ra tìm lấy bóng,*
Xếp tàn y lại để danh hơi »

là của Nguyễn-gia Thiều (Ôn như hầu). Như thế xem có vẻ chuyên-chế quá trong khi phê-phán tài-liệu văn-học ! Tôi nhớ câu như ông Ngô Tất-Tố trong *Thi-văn bình-chú* quyển nhất có viện đôi lẽ để chứng rằng tác giả bài thơ ấy là Ôn-như-hầu Thuyết của ông Ngô có thể nhận được lắm.

Còn về bài thơ mà ông Phan-văn-Hùm (trong *Nỗi lòng Đồ Chiểu*) và các bậc thức-giả Nam-kỳ xem *Nam-kỳ tuần báo* số đặc-biệt về Đồ Chiểu) cho là bài « tự thuật » của Nguyễn-đình-Chiểu, tôi thấy ông Phan Khôi nói trong *Chương-dân thi-thoại* là của hoàng-giáp Phạm-Như xương, người Quảng nam.

Tuy 2 bản có khác nhau — chẳng qua cũng bởi nghe truyền miệng — ta có phép tin rằng 2 bài thơ ấy chỉ là một mà thôi.

Nay ông Vũ Ngọc-Phan có đem ra xét và kết-luận là của Phạm-Như-xương. (tr. 39). Theo tôi, thì trước khi tìm tác-giả là ai, ta phải tìm nguyên bổn của bài thơ ấy đã. Chứ bây giờ, còn mù-mờ, ta có tiền cho là của Phạm-Như-Xương cũng được mà của Nguyễn-Đình-Chiểu cũng xong. Vì nếu câu « nhọc lòng Gia Cát đất tam phân » chỉ lúc từ năm Ất-dậu (1885), tức là năm kinh thành Huế thất thủ trở đi, thì mấy câu :

« *Nhạc thiều tiếng dứt* khôn trông *phụng,*
Sách lỗ biên rồi khó thấy *lâu,*
Khẻo mắt Hi-Di *trời Ngũ qui,*
Vậy chân-lý ở đâu ?

Chúng ta chỉ trông cậy nhà biết học-giả Phan-văn-Hùm người đầu tiên đã kì ảo-cứu về Nguyễn-đình-Chiểu, và ông Lê Thọ-Xuân người đang chứa tài-liệu về cụ Đồ.

Sau cùng, thấy cái gia-tài văn-học của ông cha ta để lại đã nghèo-nàn lại thêm thất-lạc, sai ngoa một phần lớn, ai người hữu-tâm mà không buồn lòng xót dạ ?

Nên chúng tôi chỉ cầu mong sao ở mỗi tỉnh của dải đất Việt-nam này sẽ có một vài người cố lu khó bỏ công ra tìm lục văn thơ xưa của chỗ mình. Công việc quí hóa ấy phải khởi gấp từ nay vì nếu để đến đôi ba mươi năm, trăm năm nữa thì những áng văn kia sẽ tiêu mòn rồi mất tích hết.

Ông Đông Hồ, ngô Hoàng xuân-Hãn cho ta hiểu rằng bởi đông tro tàn ta hy-vọng còn có thể sưu tầm ra văn-chương của *truyện-Kiều*, của *Chinh phụ-ngâm*, của *Cung-oán*.

Giờ phút này, nước Việt nam đang cần những người có lòng, có chí.

Ngày 28 Novembre 1943
mồng hai tháng 11 qui mui
NỀ UY

---

2) *Tùng-Thiện vương là con thứ 10 vua Minh-Mạng, Tuy Lý vương (Miên-Trinh) thứ 11, Tương An công thứ 12.*

SÁCH GIÁ TRỊ

Siêu Hình Học
của Ng. đình Thi — *Giá 5$00*

Phật Giáo Triết Học
của Phan văn Hùm (in lần thứ hai) — *Giá 3$50*

Học Thuyết Freud
của Tô kiều Phương — *2.50*

Triết Học Einstein
của Ng. đình Thi — *2.30*

Thi Hào Tagore
của Ng. văn Hai — *4.80*

Triết Lý về Vũ-Trụ và Nhân-Sinh
của Phan Mật — *2.30*

Vàng Sao
của Chế lan Viên — *2 50*

Triết Học Descartes
của Ng. đình Thi — *4.50*

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

Giá báo

1 nam	18 00
6 tháng	9 50
3 tháng	5 00
Mỗi số	0$40

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Trung-ngôn

Sĩ-Tải hay Sĩ-Tái?

Khi nho học còn thịnh, các cụ nhà ta xưa rất thận trọng đối với việc đặt tự và hiệu. Tên tự phải chiếu ứng với tên thật, vì « *danh dã tự tất tương ứng* ». Còn tên hiệu thì có thể tùy thích mà đặt, miễn sao cho có hàm-súc một ý-nghĩa đặc-biệt của mình.

Cụ Phan Tây-hồ *hiệu* là Hi-Mã, là có ý mong mình làm được như Mã-chí-ni (Mazzini).

Cụ Nguyễn văn-Ngọc, *tự* là Ôn-như, (1), vì có chữ rằng « *ôn như ngọc* » (ôn-nhuận như hạt ngọc). Thế là « Ngọc » (tên) và « Ôn-như » (tự) có liên-lạc với nhau.

Cũng nhờ sự đặt tự có phương-pháp như thế, nên ngày nay, hễ ai phiên tự, hiệu của các cụ ra quốc-ngữ mà sai âm thì ta có thể biết ngay được.

Gần đây, tôi thấy nhiều người thường viết trên mặt sách, báo quốc-ngữ : « Sĩ-*tải* Trương-vĩnh-Ký ». Như thế là viết lầm tên tự của nhà bác-học họ Trương. Vì Trương tiên-sinh tên là *Ký*, nghĩa là « ghi », lẽ tất nhiên đặt tự là « *Tái* », nghĩa là « chép ». *Ký* và *Tái*, hai chữ rất chiếu-ứng nhau. Nếu lầm là « tải » thì khác hẳn nghĩa, vì « tải » là « năm » (thiên *tải* : nghìn *năm*. Chỉ vì chữ 載 có hai âm, nên mới làm cho người ta dễ lầm như vậy.

Từ nay, tôi xin vì cổ-nhân mà đính-chính :

Sĩ *tải* chữ không phải Sĩ-*tải*.

Sao lại gán chuyện ấy cho Nguyễn Xí?

H. P. X. G. T. (1944), trang 23. — Tác-giả bài « Một cuộc đảo-chánh dưới triều Lê » chép rằng «... Ông Nguyễn Xí vốn người Nghệ-An. Tương truyền nhà nghèo, đến 17-18 tuổi mà ông còn khiêng dầu để bán rong trong vùng Thanh-Hóa, Nghệ An. Một hôm, đi đến huyện Đông-Sơn, trời tối, chỗ vắng-vẻ, trên gò chỉ có một chiếc miếu con. Ông-Xí vào miếu ngủ nhờ, ban đêm nghe tiếng ồn ào, có tiếng kêu vị thành hoàng trong miếu mà hỏi : « Đêm nay, Ngọc-Hoàng Thượng-Đế hội bách thần để lập vua nước Nam, việc quan trọng, không nên chậm trễ. Kế nghe vị thành hoàng trả lời : « Tôi không thể đi được vì đêm nay tôi có một vị quí khách trần gian, có việc chi xin phiền tin cho tôi biết ». Đến một chập lâu sau lại nghe tiếng bảo vị thành hoàng : « Xin cho ông hay rằng: Ngọc Hoàng Thượng Đế đã định cho ông Lê Lợi người Lam-Sơn làm vua nước Nam, nay mai sẽ khởi nghĩa binh, đánh đuổi quân Tàu mà định được thiên-hạ ». Bửa sau, ông Xí mới đi tìm đến Lam-Sơn ra mắt ông Lê-Lợi, đem điềm chiêm bao mà thuật lại... »

Sự thực ?

Thì *Tang-thương ngẫu lục* đã trả lời «...*Bấy giờ* **Trần-Nguyên Hãn**, *người Hoắc-sa, trấn Sơn-tây, làm nghề lái dầu (2), chiều tối, qua làng Trèm (Thụy-hương), vào ngủ đỗ ở đền Hi-khang Thiên-vương Lý-Ông Trọng (3). Ban đêm, nghe tiếng vị Thần làng bên đến mời Vương (Hi-khang Thiên-vương Ông-Lý-Trọng) cùng đi chầu đức Thượng-đế. Vương xin kiếu vì có Quốc-công (chỉ Trần Nguyên-Hãn, Quốc-công tương-lai). Đến gà gáy, tan chầu, trở về. Vương hỏi : « Ngày nay bàn việc, có hiệu lệnh gì ? » Vị Thần làng bên đáp : « Thượng-đế vì thấy nước Nam vô chủ, nên sai Lê-Lợi làm vua, Lê (4) Trãi làm tôi. » Khi Trần tỉnh dậy, đi làng được ông Trãi, bèn đem chuyện chiêm-bao ấy kể cho ông Trãi biết. Ông Trãi đi gạn hỏi lại, thì chiêm-bao thấy Vương bảo rằng : « Việc bí-mật trên thiên-đình, không dám tiết-lộ. Chị Tiên-Dung biết tỏ-tường hết. Vả, đàn-bà nói ra thì Thượng-đế không chấp trách. Sao không đem đủ một man vàng Sét (5) đến cúng mà hỏi ? » Ông Trãi làm như lời Vương dặn, đến hỏi chúa Tiên-Dung, mộng thấy Chúa gọi bảo : « Lê Trãi ơi ! Lê-Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi. Riêng ông còn chưa biết ư ? » Hỏi kỹ, thì Chúa bảo rằng : (Lê-Lợi) « là người Lam-sơn, xứ Thanh-hóa » Ông Trãi cùng ông Trần Nguyên-Hãn bèn đến*

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam.	3$50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa phổi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi.*

hầu thăm (Lê-Lợi)... » (Dịch theo nguyên-văn chữ hán, truyện *Lê-công Trãi* trong *T. T. N L.*, quyển dưới, tờ 2 b-3 a).

Như vậy, chuyện chiêm-bao ấy là của Trần-Nguyên-Hãn, chứ không phải Nguyễn-Xí. TRAI-QUAN 翁冠

(1) *Có nhiều người trùng đặt một tên tự này, như Đạng Quốc-Lang cũng tự là Ôn-như (Đại Nam liệt truyện, nhị tập, quyển 31, tờ 12a) và Nguyễn Huy-Lịch cũng tự là Ôn như (Đ. N. L. T., nhị tập, quyển 31, tờ 24 b), v. v.*

(2) *Nguyên văn in là mãi du » (mua dầu), có lẽ làm Thiết tưởng là « mai du » (bán dầu) thì phải hơn.*

(3) *Tục gọi đức thánh Trèm.*

(4) *Đáng phải chép là Nguyễn, vì Trãi vốn họ Nguyễn, bấy giờ đã được ban cho quốc tính là Lê đâu ? Hai chỗ « Lê Trãi » ở sau cũng vậy. Đó là chỗ bút pháp chưa tinh của nguyên văn.*

(5) *Nguyên văn là « Thịnh liệt minh kim »*

Phải có cái gì để làm...

(*Tiếp theo trang 2*)

Lựa-chọn là vấn-đề cần-thiết khẩn-cấp ở ngày nay. Có lựa-chọn, ta mới không nhắm mắt theo mù ; có lựa-chọn, ta mới cùng nhau gây được một nền văn-hóa chân-chính vừa để nâng cao trình-độ một dân-tộc, vừa để có thể chỉ cho người ngoài biết rằng : « Đấy là một thứ văn-hóa đặc biệt thuần-túy của dân-tộc Đại Việt chúng tôi đấy ! »

Có khi phải đi trước phong-trào để tìm lấy một cứu-cánh. Có khi vì đi sau bước muộn, mình phải nhanh ở « nước rút » để vượt hơn người ta lúc cuối-cùng, chứ không nên từng bước lại từng bước, giẫm lên vết chân của kẻ tiên tiến đã đi, rồi đến nỗi : « người ăn ốc, mình đổ vỏ ».

Các bạn ! Thế nào là « thức thời tuấn kiệt ? »

HOA-BẰNG

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(*Tiếptheo trang 8*

Quảng Châu, Thiều Châu Trào Châu, Huệ châu, Triệu khánh Nam Hùng... » ! Thật là tác-giả không hiểu nghĩa : chính phải dịch là « Tên quận, đời Tần đặt ra ; các phủ châu cũ là Quảng-châu, Thiều-châu, Trào-châu, Huệ-châu, và phủ Triệu-khánh, phủ Nam-hùng, thuộc tỉnh Quảng-đông bây giờ ». Nói nôm cho rõ ra, đời Tần là Nam-hải, bây giờ là Quảng-đông, còn những tên phủ châu kia là những tên cũ thay đổi từ sau đời Tần, đến trước khi có tên Quảng đông, chứ làm gì có tên Quảng-đông cũ và Quảng-đông mới. Chẳng qua là tác-giả không biết mẹo đặt câu của người Tàu !

Đến câu dưới cũng thế : « Quảng-Tây ; cựu Bình-nhạc phủ đông cảnh », chính nghĩa là : « Cõi đông phủ Bình-nhạc cũ, thuộc tỉnh Quảng-tây ». Thế mà tác giả lại dịch là « Quảng Tây cứ phía đông Bình nhạc phủ » ! Dù có phải in lầm chữ « cũ » ra chữ « cứ », cũng là sai nghĩa, và tỏ ra rằng tác-giả chưa hiểu văn-pháp chữ nho.

Đến văn nôm, cũng thế. Tác-giả dẫn bốn câu này ở « Quốc Sử ca » :

« Lý ông Trọng ở Thụy hương ;
« Ngồi đời vua Thục mà sang thì Tần.
« Hiểu lắm nhẹ bước thanh vân ;
« Làm quan Hiệu Úy đem quân ngự Hồ. »

Nhưng không nói ở bản nào. Nguyên sách *Đại-Nam quốc-sử diễn ca* là của một người tỉnh Bắc-ninh làm vào cuối triều Lê ; năm 1857 ông Lê ngô-Cát thêm một đoạn, rồi ông Phạm-xuân Quế sửa lại ; đến năm 1873 ông Phạm đình Toái làm lại đến ba phần tư, ông Phan đình-Thực và một vài ông nữa nhuận sắc. Bản ấy mới là bản đụng, trong nước đã công-nhận, và đã in ra quốc-ngữ vào bộ *Tứ dân văn-uyển*, xem ra không có bốn câu trên kia, là câu văn tầm-thường quá, y như câu vè của nhà-quê đặt ra, chứ không phải giọng văn-chương đài-các.

Lấy mấy câu văn hỏng, đã bỏ đi, mà đổ cho các bậc tiền bối lầm, thì không khác gì đem bản thảo đã vứt đi, mà bảo người ta nói sai ! Thế có phải rõ là tác-giả bài *Lý Ông Trọng* của báo *Thanh niên* hay lầm lẫn hơn cả không : dẫn sách thì dịch sai, vì không biết tên sách, không thuộc địa-dư ; trích văn thì tìm những câu người ta đã bỏ, mà chê là lầm ; thế mà dám tự-phụ « tìm sự thực . . . trong Quốc Sử » ! (*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Un ouvrage indispensable aux candidats

CENT REDACTIONS CORRIGÉES

au Certificat d'études

par Trần-Huy-Cơ et Nguyễn-Huy-Hoàng, Instituteurs

Nouvelle édition (adopté)

Prix 1$50 — Port 0$12

Librairie Đông-Tây, 195, rue du Coton — Hanoi

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 15

CHU-THIÊN

Vẫn với giọng vui vẻ thân-mật, Chương-Võ nói :

— Tráng-sĩ nhầm rồi. Đất nước này là đất nước chung cả, có xa cách bao nhiêu. Vả tuy Công-tử ở trên ấy mà vẫn cai quản, chấp kỳ đại cương, còn những việc thường đã có anh em đây quyết định là đủ.

Ngừng một lúc, ngài lại vội tiếp ngay :

— Nhưng mà tôi bàn lẽ hơn thiệt thế thôi. Còn tùy quyền công tử và các anh em.

Mọi người còn luỡng lự, Vân-Côi liền đứng lên nói:

— Tâu điện hạ tiền-tướng thiết nghĩ bất tất phải bàn bạc nhiều, xin cứ tùy ở ý công-tử định thế nào thì nên thế.

Thịnh nguyên vui mừng họa theo :

— Xin để tùy quyền công tử ạ !

Chương-Võ quay lại nhìn Đoàn-Văn và nói :

— Thế cũng được, anh em để tùy công tử, vậy công-tử định thế nào ?

Đoàn công-tử buồn rầu uể-oải đương cặp mắt lờ đờ mở mịt những ưu tư nhìn mọi người rồi thong-thả nói một vẻ ảm-đạm đủ nghe :

— Tôi theo bác tôi về ở tạm trên ấy ít lâu. Ở đây tôi bị ám ảnh mê mẩn cả người rồi chả làm được việc gì...

Nhận thấy vẻ không bằng lòng trên nét mặt nghĩa sĩ Vân-Côi và công tử Hoả-đao, chàng thở giốc lên rồi nói tiếp :

— Công tử Thịnh Nguyên cùng đi với tôi.

Đức vua Chương-Võ thấy ý-định của mình đắc thắng rét mặt tươi hẳn lên, ngồi im không nói gì, trong khi Vân Côi nghĩa-sĩ tỏ vẻ tức tối hỏi giật Thịnh-Nguyên :

— Công-tử Thịnh-Nguyên có đi không ?

Thịnh-Nguyên vốn thân mật với Đoàn-văn, rất thương bạn trong cơn đại biến này, lại đã quen thuộc cảnh thổ miền Bắc, nên rất bằng lòng đi với bạn, liền đáp :

— Tiểu đệ vui lòng đi theo hầu công-tử !

Giữa vẻ bất như ý của bọn anh em Vân-Côi, Chương-Võ hoàng-đế càng vui vẻ tuyên bố ;

— Thế là xong việc Đoàn công-tử ! Giờ ta bàn đến việc giao thành cho ai giữ và việc cai quản cả bờ cõi đất này.

Thấy mọi người đều im lặng, ra vẻ hờ-hững không thiết tỏ bầy ý-kiến nữa, một vị tráng-sĩ liền lên tiếng :

— Tâu điện hạ, cái đó là quyền của công-tử. Rồi lại im lặng. Im lặng cả từ trong tâm-tư. Chương-Võ phải lấy vẻ nghiêm trang oai vệ nhắc lại công việc. Hỏa đao, Vân Côi tức thì đáp lại cộc lốc

— Đã có công tử quyết định !

— Xin tùy ý công-tử !

Được thế, Chương-Võ liền quay nhìn Đoàn Văn, không thấy chàng nói gì, ngài trông khắp mọi người giò ý rồi nói dõng-dạc :

— Anh em đã để tùy ý công-tử, tôi xin bàn hộ công tử thế này : Biết được tin Đông-hải vương tử trận tất thế nào bên địch quân cũng lại kéo đến đánh lần nữa. Đất đai này rộng rải mà bờ cõi không được hiểm trở cho lắm, ta cần phải đề phòng. Tướng tài và binh mạnh ta phải cho ra giữ cõi biên thùy. Tôi xin cử nghĩa-sĩ Vân-Côi và bốn vị cao quan nghĩa hiệp, đem đại quân giữ xuốt từ vùng Van-giang, vòng Đang-châu về đến thành Xuôi trên Hạ Hồng giữ phòng đường thủy trên Hoàng-giang. Còn Hỏa đao công tử, đem nửa đại quân nữa giữ từ Hạ hồng ra đến bể. Các anh em đã thống thuộc nhân tình địa thế nên đóng ở ngoài để liệu lúc nguy giữ thế thủ, mà lúc được, ta lại khởi thế công. Còn thành trì đây, tôi xin lưu tráng-sĩ Vệ linh và Lưu ngọc, cũng là bạn đồng chí ta cả, ở lại với số hơn vạn quân của tôi hiện có ở đây, cùng với một ít quân túc vệ giữ cho thành này được yên ổn và nguyên vẹn. Ý tôi nghĩ như thế, còn bơn chang tùy công-tử và anh em định đoạt. Nghĩa-sĩ Vân Côi có bằng lòng với điều cắt cử ấy không ?

Vân-Côi đáp:

— Tâu điện hạ, xin hỏi ý công-tử trước.

Thấy Đoàn-Văn vẫn ngồi lỳ lỳ vua Chương-Võ hỏi và phân-trần tiếp:

— Tôi bàn như vậy, vì tôi tin rằng thế nào quân Trần cũng sấn vào đánh đây ít ra một lần nữa, vì chúng nó tin Đông-hải vương đã chết rồi, là chúng nó không sợ ai nữa, vả miền trên chúng tin đã hòa thân với tôi rồi tất nó phải đem toàn lực binh sĩ vào đánh đây. Ta nên liệu trước đi. Quân lính của tôi không quen đường lối vùng dưới này, nên tôi bàn để giữ thành. Đợi khi địa vị thế lực ta vững vàng rồi, quân Trần không dám bén mảng đến nữa, tôi lập tức xin rút quân lính đóng ở đây để rồn lên đánh sang Thăng-long. Công-tử có ưng thuận thế không?

Đoàn Văn lại nhìn mọi người rồi quay lại trông vua Chương-Võ và vẫn nhỏ-nhẻ đáp:

— Thưa bác! cháu xin tuân theo lời bác bàn định. Chương-Võ đưa mắt nhìn hỏi mọi người.

— Anh em theo hay trái?

Vân-Côi gượng nói;

— Quyền ở điện hạ và Công-tử. Hòa Đao có vẻ tức tối hơn:

— Lũ tiểu tướng chỉ biết tuân theo.

(*còn nữa*)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Phap

1p·00 một vé

Giới thiệu

Tri-Tân vừa nhận được:

1) Thượng sử cổ Cận đồng của Ng. đức Quỳnh biên khảo đăng trong Văn Mới 24 25 của nhà Hàn-Thuyên giá 3$,00.

2) Lý thường Kiệt bức phát của Ng tế Mỹ biên khảo đăng trong Văn Mới 26-27 của nhà Hàn-Thuyên giá 2$,00.

3) Kim Thanh (văn vần) của bà Phan thanh-Diễn. Không đề giá — Ngoài một vài bài viết có vẻ phóng bút, tác giả tỏ ra có một tâm hồn nhẹ nhàng và có những vần thơ lưu loát.

4) Lich sử đạo Thiên Chúa ở Việt-Nam của Hồng Lam viết, Cha L. Cadière chú giải—Ng văn-Tố duyệt chính — Đại Việt thiệu Bản (Huế) xuất bản giá 8$00. Sách dày 300 trang bìa in ba màu rất mỹ thuật.

5) Le Capitaine Dỗ hữu-Vị của S. E. Phạm Quỳnh — Alexandre de Rhodes thư xã xuất bản — có ảnh và bìa đại ủy — Bản dịch ra quốc văn của Ng. t.-Lãng—giá 0$,50.

6) Vang bóng một thời của Nguyễn Tuân giá 5$00. Đại la xuất bản.

7) Bulletin du 1er semestre 1944 của Association des Anciens élèves du Lycée Albert Sareaut — giá 2$00 nhiều bài rất hay của giáo sư A. David — bác sĩ Hồ đắc Di bác sỹ Vũ ngọc-Anh – Henry Bonchon — Ortoli et Lafon — Nguyễn văn-Huyên—Đặng phục-Thông vân vân... Từ xưa tới nay có lẽ số này là số đặc sắc nhất trong các tập kỷ yếu của hội.

Ngoài các bài viết công phu có nhiều phụ bản, của cô Carjat vẽ rất tinh vi. Thật là một công trình văn chương và mỹ thuật đáng khen.

8) Thơ văn mùa Xuân có phụ bản của Họa sĩ Nguyễn văn-Tỵ giá 6$ một tác phẩm quý giá của phần nhiều nhà văn quen biết như Thế-Lữ, Tú Mỡ, Vân Đài, Nguyễn Tuân, Vũ-hoàng Chương-Chu Thiên Đào trinh Nhất — Phan trần-Chức Nguyễn khắc-Mẫn v v .. Bìa in mỹ thuật cách trình bầy lối tân — Đại la xuất bản.

9) Xuân phong văn tập giá 2$20 xuất bản ở Saigon — nhiều bài của các cây bút có tiếng trong Nam

Xin cảm ơn các tác giả và các nhà xuất bản đã có nhã ý cho sách báo và xin giới thiệu cùng các bạn đọc.

TRI - TÂN

Hội Truyền-Bá học quốc ngữ

Cũng như các trường công tư, các lớp học của Hội Truyền Bá Quốc-Ngữ trong thành phố Hà Nội tạm nghỉ. Còn các lớp học thuộc khu Đại Lý, ở Hà-Đông và Gia Lâm kể lên dưới đây đến ngày 14 Février 1944 tức là 21 tháng giêng ta lại bắt đầu khai giảng:

Công - Ích, Nam - Thanh (Bạch-Mai) — Trịnh-Kiềm (Khâm Thiên) — Đại-La, Quang Trung (Ngọc Hà) — Đào Thành (Yên - Phụ) — Duy-Tân (Ngã-tư-Sở) Chùa Đồng-Quang (Thái-Hà) — Quỳnh - Lôi, Hoàng - Mai, Tương-Mai, Phương Liệt Khương Thượng, Khương-Trung, Khương-Hạ, Thượng-Đình, Yên-Thái, Nghĩa-Đô, Trích-Sài, Xuân-Tảo, Tự-Đức (Hà-Đông), Tiên Lữ (Chương-Mỹ). Các lớp học ở Hòa Xá, Triều-Khê (Ứng-Hòa) cũng sắp khai giảng.

Ban Dạy Học lại đang tiến hành mở các lớp học tại các làng: Hạ-Đình, Khương-Đình, Kim Lũ, Giáp-Nhị, Đại-Từ, Vĩnh-Tuy, Vạn-Phúc, Cổ-Nhuế, Thụy-Phương, Nhật-Tảo, Nhật-Tân, Tây-Hồ, Kim Liên, Thanh Nhàn, Lạc-Trung, Ái-Mộ (Gia Lâm).

Những bạn sốt sắng dạy giúp buổi trưa tại các làng kể trên xin biên giấy đến phòng Thường-Trực của Hội ở số nhà 143 phố Henri-d'Orléans, Hà-Nội.

H. T. B. Q N. lai cảo

MỚI XUẤT BẢN

LE CAPITAINE ĐỖ HỮU VI
par S. E. PHẠM QUỲNH
Ministre de l'Intérieur,

Một cuốn sách hay của **thư-xã Alexandre de Rhodes**, dày 50 trang, khổ 12×18, có ba bức ảnh và bản dịch của **Nguyễn Tiến Lãng**. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu.

Một áng văn kiệt-tác của cụ **Thượng Phạm**, mà trong thời buổi này, thanh-niên Nam-Việt ai ai cũng nên ngâm đọc và suy-nghĩ.

Bản thường	0$50
Bản giấy tốt	3 00
Cước	0 32

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Một quyển sách làm chấn động dư-luận:

LICH-SỬ ĐẠO THIÊN CHÚA Ở VIỆT-NAM

Xuất-bản dưới quyền Duyệt-Chính của cha L. Cadière và cụ Ứng-Hoè
Tựa của Đức Khâm-Mạng Tòa-Thánh ở Đông-Dương

Bản viết của Hồng-Lam — Chú giải của Cha L. Cadière

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP CÁC HIỆU SÁCH LỚN
và ở
ĐẠI-VIỆT THIỆN-BẢN
50bis Avenue Khải-Định Huế

Mua sách xin gửi 8$00 tiền sách và 1$20 tiền gửi và tiền gói

Hai quyển sách trọn lọc in khổ lớn 21×18 trình bày rất công-phu in giấy trên trăm trang, mỗi quyển 2$80, bản quý in trên giấy Hoàng-minh châu, Tường-vi, Gió lụa giá 25$00, sắp phát hành khắp Đông-dương.

LÃ GIA
Danh nhân chuyện
của HẢI-TRẦN

Thân thế và công nghiệp một vị lão thần nhà Triệu.
Một quảng sử vẻ vang và bi đát.
Một tâm trạng éo le thắc-mắc của một người thiết tha yêu nước thương dân.

MẸ TÔI
Sách đọc trong gia-đình
của NGUYỄN KHẮC-MẪN

Tặng tất cả những ai đã thiếu thốn sự âu-yếm nuông chiều. Đây không là lời văn mà là những rung động thành thực của một tâm hồn hiếu tử.
Có phụ thêm mấy truyện tâm-tình nhẹ nhàng và

ĐÓN COI
ANH THƯ ĐỜI MẠC của Chu-Thiên
THANH NIÊN CA lời ca và âm nhạc của Đào-Hợp
MÓN QUÀ TRẺ EM của bà Tương-Phố

ĐẠI-HỌC THƯ XÃ
Giám đốc: Ái Lang NGUYỄN-TẾ-MỸ
50 Sinh-Từ — Hanoi

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

Đã có bán

LÝ THƯỜNG KIỆT
bắc phạt
dày 152 trang giá 2$00

Một phương pháp nghiên cứu danh nhân lịch sử khác hẳn các phương-pháp nghiên cứu từ trước đến giờ ở xứ ta

Sắp có bán

KINH TẾ HỌC
phổ thông
của NGUYỄN HẢI ÂU
HÀN THUYÊN
71 Tiên Tsin — Hanoi

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur-gérant: Nguyễn-Tường-Phượng — Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi